

Số: 4999/TTr-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020), sau khi tiếp thu ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 60/TB-VCCP ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ ngày 11 tháng 02 năm 2022 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành tại Công văn số 7522/VPCP-PL của Văn phòng Chính phủ ngày 08 tháng 11 năm 2022, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐIỆN LỰC (SỬA ĐỔI)

Luật Điện lực năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018 và Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự) đã xây dựng được khuôn khổ pháp lý cho hoạt động điện lực và sử dụng điện, bảo vệ được lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện lực, đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, sau gần 20 năm triển khai thi hành và qua 03 lần sửa đổi, bổ sung một số điều (năm 2012, năm 2018 và năm 2022), đến giai đoạn hiện nay cần thiết phải nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Luật Điện lực để kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong thực tiễn hoạt động điện lực và sử dụng điện.

Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 55-NQ/TW) đã đưa ra quan điểm chỉ đạo “*nhANH chóng xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng*” (khoản 1 Phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW) nhằm thực hiện mục tiêu tổng quát “*Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” (điểm a khoản 2 Phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW). Theo đó, Nghị quyết số 55-NQ/TW giao nhiệm vụ phải đổi mới cơ chế,

chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể: *“cần phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành điện, than, dầu khí và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực và thế giới”* và *“sửa đổi, hoàn thiện các luật chuyên ngành về dầu khí, điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các luật khác liên quan đến ngành năng lượng để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường”* (khoản 6 Phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW).

Thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 02 tháng 10 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 140/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ, trong đó, tại điểm a khoản 2 Phần II có giao Bộ Công Thương: *“Nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các quy định trong Luật Điện lực và các văn bản có liên quan về giá điện, điều tiết điện lực, chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện, chương trình điều chỉnh phụ tải điện và thị trường điện phù hợp với lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh”*.

Triển khai Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 -2025. Đối với nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết đã nêu *“Đẩy mạnh rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc vướng mắc, nhất là về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh, đất đai, tài chính, ngân sách, tài sản công, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp, ngành đó chủ động, tích cực sửa đổi, hoàn thiện; nghiên cứu khẩn trương sửa đổi, thay thế các cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề tồn đọng gây thất thoát, lãng phí, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật”*.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030. Trong đó, Quốc hội giao Chính phủ: *“Tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Luật Quy hoạch và các nội dung có liên quan đến quy hoạch trong các luật, văn bản quy phạm pháp luật để khẩn trương trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Quy hoạch và các luật có liên quan đến quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật”*. Ngày 26 tháng 8 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

Do đó, cần thiết phải thể chế hóa đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 55-

NQ/TW tại Luật Điện lực, tổ chức triển khai và thực hiện các nhiệm vụ của Quốc hội và Chính phủ về rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

Đồng thời, căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đối với lĩnh vực điện lực, trong các năm qua, thực tiễn thi hành pháp luật về điện lực cho thấy còn tồn tại một số vấn đề mà các quy định tại Luật Điện lực hiện hành chưa đáp ứng được, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng mục tiêu triển khai các chính sách của Đảng đối với lĩnh vực năng lượng nói chung và điện lực nói riêng, đặc biệt là mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, tăng cường phân công, phân cấp, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về điện lực, đồng thời giải quyết một số vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Điện lực hiện đang thiếu cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

1. Cần thiết phải xây dựng chính sách phát triển thị trường điện lực nhằm bảo đảm an ninh năng lượng cho đất nước

1.1. Về hoàn thiện quy định về quy hoạch phát triển điện lực mang tính chuyên ngành để đảm bảo việc xây dựng và triển khai quy hoạch trong lĩnh vực điện phù hợp và hiệu quả

Thực hiện yêu cầu tại khoản 3 Phần IV Nghị quyết số 55-NQ/TW: “*sớm tổng kết rà soát Luật Điện lực và các luật có liên quan để trình Quốc hội sửa đổi những nội dung còn bất cập, nhất là vấn đề quy hoạch, truyền tải điện*”. Trong quá trình tổng kết, rà soát Luật Điện lực cho thấy hiện nay, việc thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia có một số vướng mắc trong triển khai thực hiện, ảnh hưởng đến an ninh cung cấp điện, cụ thể như chất lượng xây dựng, tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch ngành điện chưa cao:

- Quy hoạch phát triển điện lực có liên quan tới nhiều quy hoạch của các ngành như: than, dầu khí, năng lượng tái tạo, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch giao thông, Quy hoạch không gian đô thị, Quy hoạch phát triển công nghiệp,... Trên thực tế, việc đồng bộ hóa các quy hoạch này khá khó khăn do thời điểm xây dựng các quy hoạch thường không trùng khớp nhau. Các số liệu phục vụ quy hoạch chưa hoàn toàn đầy đủ, thiếu đồng bộ dẫn tới các kết quả dự báo, tính toán chưa chính xác.

- Công tác quản lý nhà nước đối với việc triển khai thực hiện quy hoạch còn chưa hiệu quả, thủ tục triển khai dự án phức tạp. Điều hành, quản lý việc thực hiện quy hoạch còn nhiều hạn chế, thiếu quyết liệt và chưa có giải pháp kịp thời thúc đẩy các dự án nguồn và lưới điện vào đúng tiến độ.

- Thiếu tính tuân thủ và sự phối hợp, ủng hộ của địa phương đối với quy hoạch đã được phê duyệt, chậm bố trí nguồn lực (đất đai, ...) để triển khai dự án, một số trường hợp các địa phương trước đây đã phê duyệt quy hoạch sau lại thay đổi khiến quy hoạch điện bị phá vỡ.

- Kế hoạch, tiến độ thực hiện, xác định nguồn lực một số dự án trong quy hoạch chưa rõ ràng. Nhiều vướng mắc trong đàm phán các dự án BOT khiến thời gian phát triển dự án kéo dài.

- Năng lực của các nhà đầu tư cũng như nhà thầu trong nước còn hạn chế cả về mặt tài chính và kỹ thuật.

- Vướng mắc khi triển khai các dự án theo QHPTĐL cần thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất rừng: Danh mục dự án điện đã được phê duyệt thoả thuận vị trí địa điểm, tuy nhiên chưa được địa phương đưa vào quy hoạch sử dụng đất, không có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm nên phải thực hiện các thủ tục về điều chỉnh theo quy định. Nhiều dự án điện khi thực hiện bước phê duyệt thiết kế kỹ thuật thì phải chờ địa phương làm các thủ tục bổ sung kế hoạch sử dụng đất. Việc này kéo dài thời gian triển khai dự án (chậm từ 06 tháng đến 01 năm, thậm chí dài hơn). Vì vậy, cần phải có các giải pháp trong tổ chức, quản lý thực hiện quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực đồng bộ, quyết liệt, từ trung ương, các Bộ ngành đến địa phương, các tập đoàn kinh tế nhà nước,....

1.2. Cơ chế, chính sách đối với ngành điện còn thiếu đồng bộ, chậm được đổi mới

- Các văn bản pháp luật liên quan đến cung ứng điện còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, nhiều nội dung không rõ ràng, còn nhiều vướng mắc như:

+ Về xác định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án nhóm A có tổng mức đầu tư dưới 5000 tỷ đồng sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và dự án xây dựng trên địa bàn nhiều tỉnh;

+ Vướng mắc trong việc giải thích quy định về thẩm quyền của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước trong phê duyệt, quyết định dự án đầu tư của doanh nghiệp: Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định còn chưa làm rõ việc “xem xét, phê duyệt” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước trong thủ tục trình phê duyệt dự án đầu tư đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước.

- Quá trình triển khai các dự án điện sử dụng vốn nhà nước còn nhiều bất cập, chưa có quy trình thực hiện rõ ràng vì liên quan đến nhiều Luật, nhiều ngành. Nhiều thủ tục phải thực hiện, có sự chồng chéo mà chưa được quy định tối giản/xem xét đồng thời trong các giai đoạn (chuẩn bị đầu tư, đầu tư,...) do chịu sự điều chỉnh của nhiều Luật liên quan. Theo trình tự, sau khi quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt, theo quy định tại Luật Quy hoạch kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia cần xác định danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư công, ngoài đầu tư công. Tiếp theo, đối với các dự án điện sử dụng vốn nhà nước còn phải thực hiện thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm theo Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; thực hiện trình phê duyệt chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư (thẩm quyền thuộc Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân); trình thẩm định, phê duyệt dự án theo Luật Xây dựng; trình của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Chưa kể đến việc thực hiện trình các cấp có thẩm quyền trong thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường,.... Từ năm 2018 đến nay, các dự án điện lớn do các Tập đoàn kinh tế nhà nước thực hiện là khó khăn, vướng

mắc trong triển khai thực hiện, dẫn đến nhiều dự án chưa thực hiện đầu tư xây dựng hoặc triển khai rất chậm, không đáp ứng theo tiến độ quy hoạch.

- Khó khăn trong việc bổ sung quy hoạch để thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án điện mới nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp điện. Việc rà soát, bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia còn chậm, thiếu các tiêu chí rõ ràng, chưa có quy định để tạo cơ chế điều hành linh hoạt trong triển khai thực hiện quy hoạch để đảm bảo cung ứng điện.

- Thiếu các cơ chế đặc thù cho phát triển ngành điện đã gây rất nhiều khó khăn đối với công tác phát triển điện lực theo đúng quy hoạch đã đề ra. Trong giai đoạn 2006-2020, để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2005 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu điện năng giai đoạn 2006 - 2010; Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện cấp bách nhằm đáp ứng nhu cầu điện giai đoạn 2014 - 2020 và giai đoạn sau năm 2020. Việc áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù này đã góp phần rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư cũng như tạo điều kiện triển khai và đưa vào vận hành kịp thời các dự án, góp phần đảm bảo cung ứng điện phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước cũng như nhu cầu điện cho sinh hoạt của nhân dân. Giai đoạn từ năm 2020 đến nay, theo quy định tại Khoản 1 Điều 128 Luật Xây dựng quy định công trình xây dựng đặc thù gồm: công trình bí mật nhà nước, công trình được xây dựng theo lệnh khẩn cấp và công trình xây dựng tạm. Tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14) sửa đổi Điều 130 về công trình xây dựng khẩn cấp gồm: *“công trình được xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo phải thực hiện nhanh để kịp thời đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng”*. Tuy nhiên, việc xác định tiêu chí thế nào *“các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng”* thì chưa có quy định cụ thể tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào, dẫn tới thiếu hành lang pháp lý để triển khai quy định này. Mặt khác, để áp dụng cơ chế đặc thù theo Luật Xây dựng thì thủ tục cần thực hiện cho riêng từng công trình¹, chưa có cơ sở áp dụng chung cho nhóm công trình có tính chất cấp bách như nhau, chưa giải quyết được vấn đề cấp thiết cần rút ngắn thời gian thực hiện cho các dự án theo quy hoạch được duyệt.

- Luật Điện lực chưa có chế tài ràng buộc trách nhiệm của các chủ đầu tư khi thực hiện chậm trễ các dự án đầu tư xây dựng công trình điện. Mặc dù Luật Đầu tư, Luật Đất đai đã có các quy định xử lý các trường hợp cần thu hồi dự án. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hiện thủ tục này chưa quyết liệt từ các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương và trung ương.

- Luật Điện lực được ban hành cách đây gần 20 năm, các quy định pháp luật

¹ Khoản 3 Điều 130 Luật Xây dựng: Thủ tướng Chính phủ quyết định các cơ chế đặc thù đối với từng công trình quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bao gồm khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; hình thức lựa chọn nhà thầu và các cơ chế đặc thù khác theo thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng.

liên quan đến quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai qua các thời kỳ có nhiều sự thay đổi, một số nội dung tại Luật Điện lực đã lỗi thời hoặc có sự chông chéo với pháp luật khác.

- Các quy định ưu đãi đầu tư phát triển NLTT đã được quy định đầy đủ tại các pháp luật hiện hành (Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác). Các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng các dự án điện năng lượng tái tạo đã có đầy đủ tương tự các dự án nguồn điện khác. Việc đầu tư xây dựng các dự án điện NLTT (trong đó có điện mặt trời) cần thực hiện tương tự các dự án nguồn điện khác và tuân thủ các quy định tại Luật Điện lực, Quy hoạch, Xây dựng, Môi trường... Việc khuyến khích nguồn điện năng lượng tái tạo nên được thực hiện thông qua khung giá phát điện (ví dụ như nâng mức IRR tối đa). Theo đó, trên cơ sở các mục tiêu phát triển đối với từng loại hình năng lượng tái tạo cụ thể trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, Bộ Công Thương sẽ ban hành khung giá phát điện đối với từng loại điện hình năng lượng tái tạo cụ thể làm cơ sở để Nhà đầu tư đàm phán giá bán điện với bên mua điện trong khung giá phát điện phù hợp với pháp luật Điện lực và quy định hiện hành khác tương tự như đang triển khai thực hiện đối với các dự án nguồn điện khác, đảm bảo tính thống nhất của hành lang pháp lý. Tuy nhiên, để đảm bảo tính đồng bộ của Luật Điện lực, cần thiết bổ sung quy định “Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để phát điện; có chính sách ưu đãi giá bán điện đối với dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo” vào nội dung quy định chính sách phát triển điện lực và quy định liên quan đến giá điện tại Luật Điện lực, đồng thời, bổ sung quy định về mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và các nhà máy điện năng lượng tái tạo để khuyến khích phát triển xanh theo dạng “tự sản, tự tiêu” phù hợp với các khu công nghiệp và phát triển cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa hai bên thông qua lưới điện quốc gia.

Vì vậy, cần phải có giải pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực tại Luật Điện lực nhằm bảo đảm đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, đảm bảo thực hiện các dự án theo quy hoạch phát triển điện lực, đáp ứng mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước.

2. Cần thiết phải hoàn thiện quy định điều kiện hoạt động điện lực và cấp, miễn trừ, thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực

Luật Điện lực hiện hành đã quy định nội dung về cấp giấy phép hoạt động điện lực tại 01 Chương bao gồm 07 Điều, trong đó đã quy định các nội dung chính về giấy phép hoạt động điện lực thể hiện rõ về phân cấp, phân quyền (Chính phủ, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đối với việc cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực. Tuy nhiên trong thực tiễn quá trình thực hiện Luật Điện lực còn một số nội dung vướng mắc, cụ thể như sau:

2.1. Về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực

Hoạt động điện lực là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Điện lực và Luật Đầu tư. Hiện nay, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động điện lực, các điều kiện cấp giấy phép thường xuyên phải được rà soát, đánh giá để thực hiện cắt giảm tối đa. Trong thực tế thi hành, Chính phủ đã bãi bỏ, cắt

giảm 99/163 (khoảng 60%) điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực điện lực (tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP), bãi bỏ 08 điều kiện và đơn giản hóa 03 điều kiện đối với các lĩnh vực phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ và tư vấn chuyên ngành điện lực (tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP). Trong khi đó, một số nội dung về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực tại Điều 32 Luật Điện lực không còn phù hợp với thực tiễn và không đảm bảo sự linh hoạt trong việc đánh giá điều kiện hoạt động điện lực để kịp thời điều chỉnh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp cũng như nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Do đó, để phù hợp với thực tiễn thi hành và sửa đổi, cắt giảm điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực điện lực được linh hoạt, đáp ứng kịp thời với yêu cầu cải cách hành chính, cần thiết phải sửa đổi quy định tại Luật Điện lực theo hướng giao cho Chính phủ quy định điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực và quy định về thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực nhằm nâng cao việc phân cấp, phân quyền cho các đơn vị.

2.2. Về hồ sơ cấp giấy phép hoạt động điện lực

Hiện tại, Luật Điện lực đang quy định bốn thành phần hồ sơ chung để cấp giấy phép hoạt động điện lực. Trong thực tế thi hành công tác cấp giấy phép hoạt động điện lực, mỗi hoạt động điện lực phải có các điều kiện riêng, tương ứng với các thành phần hồ sơ thể hiện đáp ứng đủ điều kiện cấp giấy phép theo quy định. Vì vậy, để có thể xác định được đối tượng đề nghị cấp giấy phép có đáp ứng đủ điều kiện hoạt động điện lực hay không, Bộ Công Thương phải hướng dẫn chi tiết thành phần hồ sơ cho từng lĩnh vực hoạt động điện lực. Thành phần hồ sơ này cũng linh hoạt thay đổi đáp ứng với yêu cầu tinh giản điều kiện cấp phép và cải cách thủ tục hành chính của lĩnh vực điện lực. Vì vậy, việc quy định thành phần hồ sơ trong Luật Điện lực là không còn phù hợp với yêu cầu linh hoạt trong tinh giản điều kiện cấp giấy phép và cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan tham gia hoạt động điện lực.

Do đó, cần tiếp tục giao Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực để đảm bảo linh hoạt trong thực hiện theo từng thời kỳ phù hợp với thực tiễn của sự phát triển về công nghệ và đáp ứng yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân cấp giữa Bộ Công Thương và các địa phương về cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển của hoạt động điện lực.

2.3. Về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực

Do tính chất của một số hoạt động điện lực, để tạo điều kiện cho một số tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực mà không phải thực hiện thủ tục hành chính là xin giấy phép hoạt động điện lực, Luật Điện lực đã quy định một số trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực. Tuy nhiên, một số trường hợp được miễn trừ hiện nay đã không còn phù hợp với điều kiện phát triển ngành điện hiện tại như quy mô kinh doanh điện tại nông thôn, miền núi, hải đảo; phát triển năng lượng tái tạo phục vụ phụ tải tại chỗ (điểm c khoản 1 Điều 34)... Do đó cần nghiên cứu, sửa đổi các quy định về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực một cách hợp lý nhằm thúc đẩy, khuyến khích phát triển điện lực trong tương lai.

2.4. Về thu hồi giấy phép hoạt động điện lực

Hoạt động điện lực là hoạt động kinh doanh có điều kiện. Giấy phép hoạt động điện lực chỉ được cấp cho các đối tượng đáp ứng đủ điều kiện và duy trì đủ điều kiện theo quy định. Do vậy, trong trường hợp đơn vị được cấp phép không đáp ứng đủ điều kiện để hoạt động điện lực thì sẽ bị thu hồi giấy phép, không được tiếp tục hoạt động điện lực. Quy định tại Luật Điện lực hiện nay chỉ cho phép thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trong 04 trường hợp. Trong thực tế thì hành còn phát sinh các trường hợp cần thiết phải thu hồi giấy phép khác như đối tượng đề nghị không trung thực trong quá trình gửi hồ sơ đề nghị để được cấp Giấy phép, sau đó bị phát hiện; đơn vị điện lực có nhu cầu ngừng hoạt động hoặc chuyển giao hoạt động được cấp phép cho đơn vị khác; khi có đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đơn vị điện lực vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan; đơn vị điện lực không báo cáo cơ quan cấp giấy phép hoạt động điện lực trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày thay đổi địa chỉ trụ sở trong giấy phép hoạt động điện lực...

Như vậy, có thể nhận thấy, theo sự thay đổi của thực tiễn thi hành, các trường hợp bị thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực sẽ phát sinh thay đổi tương ứng. Do đó, ngoài việc xác định các nguyên tắc về việc thu hồi giấy phép hoạt động điện lực tại Luật Điện lực, cũng cần thiết phải giao cho Chính phủ quy định các trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động điện lực để đảm bảo tính linh hoạt, tạo điều kiện cho các đơn vị nhanh chóng tham gia hoạt động điện lực, vừa quản lý được việc đáp ứng đủ các điều kiện tham gia hoạt động điện lực, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tế thi hành.

3. Cần thiết quy định chính sách giá điện theo cơ chế thị trường và hoạt động mua bán điện đảm bảo định hướng phát triển thị trường điện

3.1. Về cơ chế giá điện theo thị trường

Một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về định hướng phát triển năng lượng quốc gia tại Nghị quyết số 55-NQ/TW là *“xóa bỏ mọi rào cản để đảm bảo giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định; không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng miền.”* (khoản 6 Phần III Nghị quyết).

Luật Điện lực ban hành năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) đã tạo cơ sở pháp lý để cải cách giá điện, đảm bảo các chi phí sản xuất kinh doanh điện được tính đúng, tính đủ và có lợi nhuận hợp lý cho đơn vị điện lực; đồng thời đã tạo cơ sở pháp lý để thực hiện giá điện theo cơ chế thị trường như định hướng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW. Tuy nhiên, thực tế thực hiện các năm vừa qua cho thấy vẫn còn một số tồn tại và đối chiếu với định hướng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW đã đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung Luật Điện lực để phù hợp hơn, cụ thể:

- Về thực hiện giá điện theo cơ chế thị trường và điều hành giá điện

Luật Điện lực hiện hành quy định *“Giá bán điện thực hiện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực”* (điểm a khoản 1 Điều 31). Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Điện lực, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quy định cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện.

Cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân hiện hành do Thủ tướng Chính phủ ban hành (tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017) có phân cấp thẩm quyền điều chỉnh giá bán lẻ điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Công Thương và Thủ tướng Chính phủ tùy thuộc vào mức độ điều chỉnh giá bán lẻ điện. Thực hiện các quy định về giá điện tại Luật Điện lực hiện hành, trong các năm từ 2013 đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định quy định việc điều chỉnh giá bán lẻ điện, bao gồm các Quyết định về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá điện và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

Thực tế thực hiện cho thấy, việc điều hành giá điện như hiện nay đảm bảo tính minh bạch và linh hoạt trong quá trình triển khai thi hành, tuy nhiên do điện là loại hàng hóa thiết yếu nên việc điều chỉnh giá điện chịu nhiều sức ép của dư luận và có thể gây ảnh hưởng lớn tới tình hình kinh tế vĩ mô. Việc điều hành giá bán lẻ điện, quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện cần được xem xét và đánh giá một cách tổng thể trên tất cả các lĩnh vực. Việc quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện cần có tính pháp lý cao hơn so với quy định hiện hành để đảm bảo sự thống nhất trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Xuất phát từ lý luận đó mà thực tế việc điều hành giá bán lẻ điện các năm qua đều được họp thảo luận và quyết định thông qua các cuộc họp Thường trực Chính phủ. Khoản 3 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định Chính phủ có thẩm quyền “*quyết định chính sách cụ thể về tài chính, tiền tệ quốc gia, tiền lương, giá cả*”. Ngoài ra, Nghị quyết số 55-NQ/TW có nêu: “*Nghiên cứu, thực hiện luật hóa việc điều hành giá điện và một số ưu đãi cho dự án được khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực năng lượng*”. Vì vậy, để đảm bảo sự phù hợp với các quy định pháp luật khác, đảm bảo sự thống nhất trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, cần thiết phải xem xét sửa đổi thẩm quyền trong việc ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện đã được quy định tại Luật Điện lực hiện hành (phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ), đảm bảo phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW theo hướng Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền điều chỉnh giá điện theo từng mức điều chỉnh giá.

Từ những phân tích nêu trên, cần thiết sửa đổi quy định tại Luật Điện lực liên quan đến cơ chế điều chỉnh giá điện theo hướng sửa đổi quy định về thẩm quyền ban hành cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân tại Luật Điện lực theo hướng giao Chính phủ quy định (dưới dạng Nghị định của Chính phủ) thay vì Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh như tại Luật Điện lực hiện hành (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ), đảm bảo nguyên tắc chung là Chính phủ đóng vai trò ban hành thể chế pháp luật, cơ chế chính sách về điều chỉnh giá điện, phù hợp với định hướng tại Nghị quyết số 55-NQ/TW, phù hợp với thực tiễn điều chỉnh giá điện thời gian qua, phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ.

- Về vấn đề tính đúng, tính đủ và lợi nhuận hợp lý của các đơn vị điện lực

Khoản 1 Điều 29 Luật Điện lực quy định về chính sách giá điện: “*1. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực có lợi nhuận hợp lý, tiết kiệm tài nguyên năng lượng, sử dụng các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo không gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động điện lực, góp phân thúc*

đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi, hải đảo.”

Khoản 4 Điều 30 Luật Điện lực quy định căn cứ lập và điều chỉnh giá điện:
“4. Các chi phí sản xuất, kinh doanh điện và lợi nhuận hợp lý của đơn vị điện lực.”

Căn cứ các quy định nêu trên tại Luật Điện lực, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã ban hành các Quyết định, Thông tư hướng dẫn thực hiện về giá phát điện, giá truyền tải điện, giá bán lẻ điện bình quân. Theo đó, giá điện các khâu nêu trên được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hợp lý.

Hiện nay, các nội dung liên quan đến thẩm quyền hướng dẫn phương pháp lập giá phát điện, giá bán buôn điện; thẩm quyền xây dựng giá điện hai thành phần tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP, Thông tư hướng dẫn nhưng lại chưa được quy định trong Luật. Vì vậy, cần bổ sung thêm các nội dung này thành các điều, khoản của Luật và giao Chính phủ, Bộ Công Thương hướng dẫn để có căn cứ pháp lý cho việc ban hành các văn bản hướng dẫn khi Luật có hiệu lực, phù hợp quy định tại Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Định hướng phát triển thị trường điện lực ở Việt Nam là mở ra cạnh tranh đối với khâu phát điện đầu tiên, bán buôn điện và tiến tới là cạnh tranh bán lẻ điện. Trong thời gian vừa qua, để thu hút đầu tư tư nhân vào khâu phát điện, các dự án phát điện theo hình thức IPP, BOT (có chủ đầu tư không phải Tập đoàn Điện lực Việt Nam) đã thỏa thuận, đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện với tỷ suất sinh lợi nội tại về tài chính (IRR) phổ biến ở mức từ 10% đến 12%, cao hơn mức tỷ suất áp dụng cho các đơn vị phát điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (thủy điện đa mục tiêu) và các khâu khác (truyền tải điện, phân phối-bán lẻ điện) do vẫn thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước (thông thường ở mức 3% hoặc thấp hơn từ 0% đến dưới 3%, tùy tình hình cân đối tài chính của EVN hàng năm, đặc biệt trong các năm không thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện).

Để đồng bộ với pháp luật chung về giá, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với Bộ Tài chính để xây dựng quy định liên quan đến các loại giá điện, “cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện” phù hợp với nội dung quy định tại Luật Giá (sửa đổi).

Vì vậy, cần thiết phải kế thừa những nguyên tắc đang được quy định tại Luật Điện lực và tiếp tục bổ sung chính sách phù hợp theo những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về định hướng phát triển năng lượng quốc gia tại Nghị quyết số 55-NQ/TW theo hướng sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 29 về chính sách giá điện với nội dung: “1. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực, *đơn vị điện lực có lợi nhuận hợp lý...*” và “5. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện. *Thực hiện chính sách giá điện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực*”.

- Về vấn đề bù chéo

Luật Điện lực hiện hành quy định “*Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý đối với các nhóm khách hàng*”; Nghị quyết số 55-NQ/TW đưa ra định hướng “*không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các*

vùng miền”. Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định về việc giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng miền.

3.2. Về cơ chế giá điện và hoạt động mua bán điện đảm bảo định hướng phát triển thị trường điện lực

Luật Điện lực ban hành năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) đã tạo cơ sở pháp lý để triển khai thị trường điện lực các cấp độ. Các nguyên tắc vận hành thị trường điện lực đến nay vẫn phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng tại khoản 1 phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW về phát triển thị trường năng lượng nói chung và thị trường điện lực nói riêng như chính sách “*thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực*” (khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực) hay các quy định về nguyên tắc, đối tượng, hình thức và nội dung hoạt động của thị trường điện lực tại Mục 1 Chương IV Luật Điện lực (từ Điều 17 đến Điều 21). Thực hiện quy định tại Luật Điện lực, Bộ Công Thương đã triển khai thực hiện thị trường phát điện cạnh tranh từ năm 2012, sau đó chuyển đổi sang thị trường bán buôn điện cạnh tranh từ năm 2019.

Tuy nhiên, để tiếp tục triển khai cấp độ về thị trường bán lẻ điện cạnh tranh trong các năm sắp tới đáp ứng yêu cầu “*Rà soát, điều chỉnh các quy định về kiểm soát và điều phối thị trường điện lực*” và “*Đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh*” tại khoản 2 Phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW, điều kiện tiên quyết là phải phân tách các khâu phân phối điện (mang tính độc quyền tự nhiên) với khâu kinh doanh bán lẻ điện (mang tính cạnh tranh). Trong khi đó, một số quy định tại Luật Điện lực hiện hành chưa đáp ứng việc triển khai cấp độ về thị trường bán lẻ điện cạnh tranh như: thiếu quy định về hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch trong thị trường điện. Ngoài ra, một số quy định khác cần được luật hóa tại Luật Điện lực như hoạt động mua bán điện thông qua hợp đồng, thanh toán tiền điện bảo lãnh thanh toán... để đảm bảo sự công khai, thống nhất, nhằm tăng cường sự đồng thuận trong xã hội, quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Về giá bán điện hai thành phần:

Hiện tại, thiếu cơ sở pháp lý tại Luật Điện lực về việc giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết về phương pháp lập giá phát điện, giá bán buôn điện và nghiên cứu, xây dựng, đề xuất áp dụng giá điện hai thành phần. Do đó, cần thiết phải bổ sung nội dung giao Bộ Công Thương (Bộ chuyên ngành về lĩnh vực điện) quy định chi tiết về phương pháp lập giá phát điện, giá bán buôn điện và nghiên cứu, xây dựng, đề xuất áp dụng giá điện hai thành phần để có cơ sở triển khai thực hiện.

- Về hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch trong thị trường điện

Hiện nay, khoản 2 Điều 20 Luật Điện lực có quy định về hai hình thức mua bán điện trong thị trường điện lực là mua bán trên thị trường điện giao ngay và mua bán thông qua hợp đồng có thời hạn. Đặc trưng của thị trường điện cạnh tranh là giá điện trên thị trường giao ngay biến động rất nhanh theo từng chu kỳ giao dịch (hiện nay là 30 phút) và hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch chính là công cụ

tài chính hữu hiệu và cần thiết để bên bán và bên mua quản lý rủi ro trước các biến động liên tục của giá điện trên thị trường điện giao ngay.

Tuy nhiên, tại Luật Điện lực hiện nay chưa quy định hợp đồng có thời hạn là hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch - một công cụ tài chính để các bên quản lý rủi ro khi tham gia thị trường điện. Việc áp dụng cơ chế hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch trong thị trường điện còn liên quan đến cơ chế thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với các giao dịch này. Theo thông lệ quốc tế tại các nước có thị trường điện hoàn chỉnh (như Úc, Singapore, Ai-len,...) và đang áp dụng hợp đồng mua bán điện dạng chênh lệch (Forward) hoặc (Swap) trong thị trường điện thì các giao dịch thông qua hợp đồng này thuộc đối tượng không chịu VAT/GST. Tại Việt Nam, theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, các dịch vụ tài chính phái sinh theo quy định của pháp luật là đối tượng không chịu thuế (theo pháp luật về thương mại, hợp đồng dạng này được gọi tên là hợp đồng kỳ hạn).

Trong các năm vừa qua, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính để nghiên cứu về cơ chế thuế VAT trong trường hợp áp dụng về hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch trong thị trường điện. Đây cũng là yêu cầu cần thiết để xử lý các vấn đề bất cập của thị trường bán buôn điện hiện nay, tạo điều kiện mở rộng phạm vi thị trường bán buôn, tạo tiền đề cho thị trường bán lẻ điện sau này. Theo đó, cần thiết phải bổ sung quy định về hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch là dịch vụ tài chính phái sinh trong thị trường điện tại Luật Điện lực để có đủ cơ sở pháp lý xử lý các vấn đề có liên quan đến giao dịch của các bên trong thị trường điện.

- Về mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện thông qua lưới điện quốc gia

Hiện nay, xu hướng chung của thế giới, nhu cầu đàm phán, mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện thông qua lưới điện quốc gia ngày càng phổ biến, đặc biệt là đối với đơn vị phát điện sử dụng năng lượng tái tạo. Cơ chế này có lợi ích tăng cường lựa chọn đơn vị cung cấp điện của khách hàng tiêu thụ với giá cả hợp lý, đồng thời thực hiện được các cam kết về môi trường của các khách hàng sử dụng điện (mua điện từ các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo). Tại Việt Nam, có rất nhiều khách hàng là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Samsung, Nike, Apple,...) có nhu cầu được đàm phán mua điện trực tiếp từ đơn vị phát điện đặc biệt là đơn vị phát điện sử dụng năng lượng tái tạo để thực họ thực hiện các cam kết môi trường toàn cầu.

Tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 quy định “*Đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh, cơ chế hợp đồng mua bán điện trực tiếp giữa nhà sản xuất và khách hàng tiêu thụ, ...*”. Đồng thời, tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy định “*Ban hành thí điểm, tiến tới xây dựng chính thức cơ chế hợp đồng mua bán điện trực tiếp giữa nhà sản xuất điện năng lượng tái tạo và khách hàng tiêu thụ đồng bộ với sửa đổi Luật*

Điện lực và lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh” và “Trình chính phủ ban hành các chính sách về mua bán điện trực tiếp”.

Quy định về Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện lớn đã được quy định tại Điều 47 Luật Điện lực, tuy nhiên, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, việc ban hành văn bản hướng dẫn luật phải trên cơ sở giao trực tiếp tại luật về các nội dung hướng dẫn. Do đó, cần thiết phải bổ sung nội dung giao Chính phủ hướng dẫn đối với nội dung này.

3.3. Về giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia

Theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Điện lực: Cơ chế giá bán lẻ điện cho khách hàng sử dụng điện sinh hoạt tại những khu vực này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với cơ chế hỗ trợ giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ quy định; các loại giá điện khác do đơn vị điện lực xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến của cơ quan điều tiết điện lực.

Thực tiễn thực hiện quy định tại Điều 62 Luật Điện lực cho thấy: Theo kết quả kiểm tra giá thành sản xuất, kinh doanh điện hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chi phí sản xuất kinh doanh điện tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia cao hơn nhiều lần so với tại những khu vực đã nối lưới điện quốc gia do phải sử dụng các nguồn phát điện tại chỗ như diesel, gió, mặt trời.

Hiện nay, trong cơ cấu biểu giá điện tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ có quy định cơ chế hỗ trợ giá điện cho khu vực chưa nối lưới thông qua việc áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia; chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, đối với khu vực không do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, chênh lệch chi phí được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Việc áp dụng cơ chế hỗ trợ giá điện cho khu vực chưa nối lưới thông qua việc áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp.

Vì vậy, cần thiết sửa đổi quy định giá điện nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia để vừa đáp ứng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp, phù hợp với quy định tại khoản 1a Điều 4 Luật Điện lực về chính sách phát triển điện lực (quy định: “ưu tiên phát triển điện phục vụ nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”) và để đảm bảo tính thống nhất, xuyên suốt trong quy định từ Luật Điện lực đến văn bản dưới Luật.

3.4. Một số nội dung về hợp đồng mua bán điện

- Về hợp đồng mua bán điện có thời hạn (giữa đơn vị điện lực với khách hàng sử dụng điện) và một số nội dung liên quan mua bán điện giữa bên bán và khách hàng:

Mục 2 Chương IV Luật Điện lực (Điều 22 đến Điều 28) đã quy định về một số nội dung cơ bản của Hợp đồng mua bán điện và hoạt động mua bán điện. Thực hiện Điều 70 Luật Điện lực giao “Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này”, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 105/2005/NĐ-CP (bị thay thế bởi Nghị định số 137/2013/NĐ-CP) hướng dẫn một số nội dung cần thiết như điều kiện ký hợp đồng mua bán điện sinh hoạt, thanh toán tiền điện, ghi chỉ số công tơ, đo đếm điện, chất lượng điện năng, kiểm định hệ thống đo đếm, bảo đảm thực hiện hợp đồng, mua bán công suất phản kháng, ngừng, giảm mức cung cấp điện, hành vi vi phạm hợp đồng, thanh toán trong trường hợp có sai sót trong quá trình ghi chỉ số công tơ. Đồng thời, Bộ Công Thương đã quy định, hướng dẫn một số nội dung như Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt theo mẫu, phương pháp xác định bồi thường thiệt hại trong một trường hợp đang được quy định, điều kiện trình tự ngừng giảm cung cấp điện, đo đếm điện năng... đã tạo cơ sở pháp lý để triển khai đầy đủ hoạt động mua bán điện trên thực tiễn, phù hợp với từng thời kỳ phát triển của ngành điện.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, việc ban hành văn bản hướng dẫn luật phải trên cơ sở giao trực tiếp tại luật về các nội dung hướng dẫn. Do đó, cần thiết phải bổ sung nội dung giao Chính phủ, Bộ Công Thương hướng dẫn đối với một số nội dung cần thiết tại một số điều thuộc Mục 2 Chương IV Luật Điện lực về hoạt động mua bán điện.

- Về hợp đồng mua bán điện có thời hạn (giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ, hợp đồng dịch vụ truyền tải điện khi các thành phần kinh tế được phép đầu tư vào lưới truyền tải điện, hợp đồng mua bán buôn điện):

Thực tiễn cho thấy việc Bộ Công Thương quy định về mẫu hợp đồng mua bán điện và kiểm tra hợp đồng mua bán điện sẽ gây khó khăn cho các bên trong việc đàm phán, thỏa thuận giữa 2 bên theo các quy định pháp luật khác như Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại. Vì vậy, để phù hợp với cơ chế thị trường cũng như nguyên tắc các bên tự thỏa thuận trong khung giá, cần sửa đổi, bổ sung quy định trong Luật Điện lực theo hướng Bộ Công Thương chỉ quy định các nguyên tắc chính của hợp đồng mua bán điện để phù hợp với quy định thị trường điện và các bên ký kết hợp đồng mua bán điện theo nội dung các bên thỏa thuận, đảm bảo giá điện không vượt khung (đối với các loại giá điện có quy định về khung giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành).

- Về kiểm tra hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện:

Với việc ngày càng nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn từ nước ngoài đầu tư vào nguồn điện nên các doanh nghiệp mong muốn được đàm phán, thỏa thuận các điều khoản về hợp đồng mua bán điện với bên mua điện trên

cơ sở đặc thù, đặc tính của từng dự án nguồn điện. Vì vậy, để tạo điều kiện cho các đơn vị điện lực tự do thỏa thuận giao kết hợp đồng theo quy định của Bộ Luật Dân sự và Luật Thương mại, nhằm bảo đảm các doanh nghiệp được quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật những việc mình làm phù hợp với cơ chế thị trường, Bộ Công Thương đề xuất bỏ nội dung “Kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng mua bán buôn điện theo quy định của Chính phủ” (tiền kiểm) quy định tại điểm m khoản 1 Điều 66 Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực).

Để tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực, nhất là công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của đơn vị điện lực, việc kiểm tra hợp đồng mua bán điện nói riêng và hoạt động điện lực nói chung (công tác hậu kiểm) được thực hiện theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 66 Luật Điện lực (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực): “Kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực điện lực theo quy định của pháp luật”.

Ngoài ra, việc bỏ nội dung “Kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng mua bán buôn điện theo quy định của Chính phủ” góp phần làm giảm thủ tục cho các đơn vị, đồng thời, nâng cao trách nhiệm của đơn vị trong quá trình thực hiện đảm bảo tuân thủ pháp luật.

3.5. Về mua bán điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia và mua điện trực tiếp với nước ngoài không qua hệ thống điện quốc gia tại khu vực biên giới

Điều 28 Luật Điện lực quy định về mua bán điện với nước ngoài đã đưa ra một số nguyên tắc cơ bản đối với hoạt động này. Theo đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 137/2013/NĐ-CP, trong đó, hướng dẫn cụ thể về cơ quan có thẩm quyền cho phép mua bán điện với nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Điện lực và quy định các điều kiện để Khách hàng sử dụng điện ở khu vực biên giới quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Điện lực được mua điện trực tiếp với nước ngoài ở cấp điện áp 0,4 kV. Căn cứ quy định này, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 09/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương mua, bán điện với nước ngoài (thủ tục hành chính). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), Thông tư của Bộ trưởng chỉ được quy định thủ tục hành chính trong trường hợp được Luật, nghị quyết của Quốc hội giao, do vậy cần phải sửa đổi cho phù hợp.

4. Cần thiết có chính sách quản lý, vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định, tin cậy và đảm bảo chất lượng điện năng, đồng thời, khuyến khích tiết kiệm điện, hợp lý, tăng cường thực hiện giải pháp quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải điện

4.1. Cần thiết luật hóa các quy định về quản lý, vận hành hệ thống điện

Luật Điện lực năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện

lực năm 2012 đã quy định về quản lý, vận hành hệ thống điện phục vụ hoạt động giao dịch trên thị trường điện. Các quy định này là căn cứ để Bộ Công Thương xây dựng và ban hành các quy định, quy trình quản lý, vận hành hệ thống điện hiện nay. Tuy nhiên, các quy định này chưa đầy đủ và chưa phù hợp với hiện trạng cũng như định hướng ngành điện lực Việt Nam, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các quy định quản lý, vận hành hiện nay chỉ quy định áp dụng trong thị trường điện hoàn chỉnh, trong khi đó hệ thống điện hiện nay gồm cả các thành phần tham gia thị trường điện và không tham gia thị trường điện. Do đó, cần có quy định rộng hơn để bao trùm cho tất cả các đối tượng trong hệ thống điện.

Thứ hai, hiện nay, với việc tích hợp nguồn năng lượng tái tạo (NLTT) có công suất lớn và tỷ trọng tăng cao đang tạo ra thách thức rất lớn về đảm bảo vận hành ổn định hệ thống điện Việt Nam. Để vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định, tin cậy, chất lượng, hệ thống điện cần được trang bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ việc giám sát, quản lý, vận hành hệ thống điện (hệ thống tự động điều chỉnh công suất máy phát - Automatic Generation Control, hệ thống ổn định công suất - Power Stability System, hệ thống giám sát chất lượng điện năng - Power Quality,...). Trường hợp thiếu các quy định về kỹ thuật, vận hành hệ thống điện sẽ không có cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp, điều này sẽ dẫn đến xảy ra các vấn đề kỹ thuật trong vận hành như tình trạng dao động công suất, điện áp trong hệ thống điện làm giảm chất lượng điện năng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến độ tin cậy cung cấp điện. Tình trạng này càng nghiêm trọng tương ứng với tỷ trọng của các nguồn năng lượng tái tạo biến đổi (mặt trời, gió) trong hệ thống do các nguồn năng lượng tái tạo này bị hạn chế khả năng điều chỉnh công suất theo yêu cầu của hệ thống. Trường hợp biến động của nguồn NLTT quá lớn, hệ thống không có khả năng đối phó, sẽ xảy ra tình trạng tan rã hệ thống, mất điện cả một vùng rộng lớn hoặc cả nước như đã từng xảy ra tại một số nước phát triển mạnh về NLTT trên thế giới.

Thứ ba, thiếu sự liên kết giữa công tác lập quy hoạch phát triển hệ thống điện và công tác lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình nguồn, lưới điện. Quy hoạch phát triển điện lực hiện nay được lập với chu kỳ 10 năm (có rà soát sau 5 năm). Trong thời gian giữa những lần lập/rà soát quy hoạch, nhiều yếu tố bất định xảy ra như: phụ tải tăng trưởng khác nhiều so với dự báo, sự thay đổi, dịch chuyển công nghệ phát điện có xu hướng ngày càng nhanh... khiến cho quy hoạch trở nên lạc hậu. Vấn đề này có thể được giải quyết thông qua công tác đánh giá an ninh hệ thống điện trung hạn thực hiện hàng năm. Tuy nhiên, hiện nay chưa có cơ sở pháp lý để quy định về đánh giá an ninh trung hạn.

Thứ tư, công nghệ nói chung, công nghệ điện lực nói riêng đang biến đổi rất nhanh, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư đang diễn ra trong nhiều lĩnh vực của đời sống, trong đó có ngành điện lực. Nhiều công nghệ mới xuất hiện, hoặc mới được ứng dụng trong ngành điện lực đang từng ngày, từng giờ làm thay đổi cách thức vận hành hệ thống điện như: ứng dụng số trong điều khiển hệ thống điện, công nghệ đo pha để đánh giá ổn định hệ thống... do đó cần phải có quy định cập nhật, điều chỉnh các quy định kỹ thuật, vận hành hệ thống điện để đáp ứng thực tế. Việc bổ sung, hoàn thiện các quy định kỹ thuật cũng góp phần tạo

điều kiện cho các nguồn điện đầu nối, vận hành an toàn trong hệ thống điện, góp phần đảm bảo đủ điện cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

Từ khi thực hiện các quy định tại Luật Điện lực, nhiều quy định, quy trình về kỹ thuật, vận hành lưới điện, hệ thống điện đã được xây dựng và áp dụng trong thực tiễn nhiều năm, mang tính ổn định cần thiết phải được Luật hóa tại Luật Điện lực nhằm nâng cao hiệu quả của các quy định này.

Do đó, việc bổ sung các quy định liên quan tới kỹ thuật, kỹ thuật, vận hành và quy định về cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại Luật Điện lực là cần thiết, tạo điều kiện, hỗ trợ việc tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; hỗ trợ việc vận hành khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng hóa thạch trong nước. Đồng thời, tạo điều kiện cho việc sử dụng các công nghệ mới trong ngành điện lực, giúp hệ thống vận hành ổn định, tin cậy hơn; nâng cao chất lượng điện năng; vận hành điều tiết các nguồn điện hợp lý; đảm bảo an ninh năng lượng đáp ứng mục tiêu Đảng đề ra tại khoản 2 phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW: *“đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện, có khả năng tích hợp quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện”*.

Thứ năm, hiện nay hiệu suất sử dụng năng lượng nói chung và hiệu suất sử dụng điện nói riêng của nước ta chưa cao, tiềm năng phát triển các nguồn điện còn hữu hạn, nguồn cung năng lượng sơ cấp trong nước đã gần tới hạn do đó cần nâng cao các chính sách khuyến khích tiết kiệm điện, thực hiện quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải. Các chính sách này cần được sửa đổi, bổ sung vào Luật Điện lực tạo có hành lang pháp lý cao nhất triển khai, áp dụng trong giai đoạn sắp tới. Đồng thời hướng đến mục tiêu của Nghị quyết số 55-NQ/TW là quản lý chặt chẽ hơn cường độ tiêu thụ điện năng và giảm thiểu tối đa tổn thất điện năng. Cùng với việc đề xuất các chính sách về giá điện, cấp giấy phép hoạt động điện lực, an toàn đập thủy điện và an toàn sử dụng điện sẽ tạo niềm tin về hệ thống pháp luật cho các nhà đầu tư trong quá trình hoạt động, góp phần thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động điện lực nhằm đảm bảo cung cấp đủ điện năng cho nền kinh tế của đất nước.

4.2. Cần thiết tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống điện

Trong bối cảnh công nghệ nói chung, công nghệ điện lực nói riêng đang biến đổi rất nhanh, cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư đang diễn ra trong nhiều lĩnh vực của đời sống, trong đó có ngành điện lực. Nhiều công nghệ mới xuất hiện hoặc mới được ứng dụng trong ngành điện lực đang từng ngày, từng giờ làm thay đổi cách thức vận hành hệ thống điện như: ứng dụng số trong điều khiển hệ thống điện, công nghệ đo pha để đánh giá ổn định hệ thống... Trong khi đó, Luật Điện lực hiện hành thiếu quy định cơ sở pháp lý cho việc cập nhật, điều chỉnh các quy định kỹ thuật, vận hành hệ thống điện để đáp ứng thực tế như chưa phân cấp cụ thể cho Bộ Công Thương - là Bộ quản lý ngành thực hiện trách nhiệm quy định, hướng dẫn các vấn đề kỹ thuật, vận hành hệ thống điện.

Vì vậy, cần thiết phải bổ sung quy định phân cấp cho Chính phủ, Thủ tướng

Chính phủ, Bộ Công Thương trong việc ban hành các quy trình, quy định mang tính kỹ thuật như quy định về đấu nối thiết bị, thao tác, khởi động đen; quy định về cơ sở hạ tầng kỹ thuật cần thiết cho vận hành hệ thống điện trong điều kiện có tỷ trọng cao các nguồn năng lượng tái tạo; quy định tiêu chuẩn chất lượng điện năng, đo đếm điện năng, hướng dẫn trình tự thực hiện ngừng giảm mức cung cấp điện, bảo đảm chất lượng điện năng; quy định về đánh giá an ninh trung hạn...

4.3. Về tiết kiệm điện

Luật Điện lực năm 2004 quy định 01 chương về “tiết kiệm trong phát điện, truyền tải, phân phối và sử dụng điện”, trong đó đã quy định về chính sách và biện pháp khuyến khích, thúc đẩy tiết kiệm điện, tuy nhiên, đến năm 2010 Quốc hội ban hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó, quy định về chính sách sử dụng năng lượng (bao gồm điện) tiết kiệm, hiệu quả. Do đó, trong quá trình triển khai hai luật trên khó tránh khỏi các vấn đề giao thoa giữa các quy định. Bên cạnh đó, một số nội dung về tiết kiệm điện có tính chất chuyên ngành chưa được cập nhật bổ sung vào Luật Điện lực, vì vậy, sẽ thiếu cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện.

Thực tế, hệ số đàn hồi về điện (tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện so với tốc độ tăng trưởng GDP cùng năm) trong giai đoạn trước năm 2015 gần bằng 2 và đã giảm xuống khoảng 1,3 trong những năm gần đây. Mặc dù hệ số đàn hồi có xu hướng giảm đi nhưng còn chậm, trong khi đó, cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu sử dụng điện của Việt Nam tăng với tốc độ nhanh chóng (trung bình 10,5% trong giai đoạn 2011-2019²), như vậy, tốc độ tăng nhu cầu sử dụng điện vẫn cao hơn tốc độ tăng trưởng GDP, thể hiện việc sử dụng điện còn kém hiệu quả. Cơ cấu tỷ trọng sử dụng điện cũng có thay đổi theo hướng tỷ trọng điện cho công nghiệp tăng, tỷ trọng điện cho tiêu dùng dân cư giảm. Tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện cao đã đặt ra thách thức lớn đối với việc đảm bảo cung cấp điện và nâng cao chất lượng dịch vụ điện năng. Việc sử dụng năng lượng (đặc biệt là sử dụng điện) ở Việt Nam chưa được tiết kiệm và hiệu quả, gây lãng phí lớn đối với ngành điện nói riêng và nền kinh tế nói chung. Công suất phụ tải tăng cao theo cùng xu hướng tăng của nhu cầu điện làm tăng nhu cầu đầu tư cho lưới điện và công suất nguồn điện phủ định, làm giảm hiệu quả kinh tế của hệ thống điện nói chung. Việc sử dụng các nguồn điện đắt tiền (dầu, diesel) để đáp ứng nhu cầu phụ tải đỉnh sẽ làm tăng phát thải khí nhà kính, ảnh hưởng tới việc thực hiện cam kết của quốc gia về giảm khí nhà kính và chống biến đổi khí hậu của Việt Nam và thế giới.

Do đó, *sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội*³. Vì vậy, cần xây dựng chính sách phát triển thị trường tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng khi nghiên cứu xem xét bổ sung nội dung về tiết kiệm điện tại Luật Điện lực để xác định rõ phạm vi điều chỉnh về “tiết kiệm điện” tại Luật Điện lực và quy định tại Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng ta về chính sách tiết kiệm điện tại Nghị quyết số 55-NQ/TW.

² Tăng trưởng điện năng năm 2020 chỉ đạt 2,43% do hậu quả của dịch Covid-19

³ Trích Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị

4.4. Về quản lý nhu cầu điện, điều chỉnh phụ tải điện và phát triển lưới điện thông minh

Theo sự phát triển nhanh chóng của phụ tải hệ thống điện, công tác Quản lý nhu cầu điện (DSM) ngày càng trở nên quan trọng. Thực tế hiện nay, nội dung quản lý nhu cầu điện được các quốc gia đặc biệt quan tâm cùng với chính sách tiết kiệm điện, nhất là ở các quốc gia phát triển đã thực hiện tương đối triệt để công tác tiết kiệm điện. Tuy nhiên, quy định về công tác quản lý nhu cầu điện mới chỉ được đề cập hết sức sơ sài tại Điều 16 Luật Điện lực về tiết kiệm điện. Cần thiết xem xét bổ sung nội dung định hướng cơ bản của công tác quản lý nhu cầu điện, quy định trách nhiệm của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện, xác định cơ chế tài chính để thực hiện các chương trình về quản lý nhu cầu như điện. Trong đó, việc bổ sung cơ sở pháp lý về cơ chế tài chính cho thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu sử dụng điện theo quy định tại Luật Điện lực là một trong những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được Đảng ta xác định tại khoản 2 phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW: “...*Tích cực thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải; quản lý chặt chẽ hơn cường độ tiêu thụ điện năng; giảm thiểu tối đa tổn thất điện năng; ...*”.

Thách thức rất lớn về đảm bảo vận hành ổn định hệ thống điện Việt Nam với tích hợp nguồn năng lượng tái tạo (NLTT) có công suất lớn và tỷ trọng tăng cao mà theo Nghị quyết số 55-NQ/TW định hướng phát triển nguồn NLTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tỷ trọng nguồn NLTT với tỷ lệ điện năng của NLTT trong tổng điện năng sản xuất toàn quốc là khoảng 30% năm 2030 và lên tới 40% năm 2045. Theo kinh nghiệm thế giới, trong hệ thống điện tích hợp nguồn NLTT có công suất lớn và tỷ trọng tăng cao như trên, sẽ có nhiều rủi ro có thể có nguy cơ gây mất ổn định vận hành hệ thống điện và an toàn cung cấp điện. Giải pháp điều chỉnh phụ tải điện là cần thiết để áp dụng vào vận hành hệ thống điện, đảm bảo cân bằng cung cầu.

Ngày nay, các giải pháp đảm bảo cung cấp điện cần phải xét đến vai trò quan trọng của phía cầu, đề cao trách nhiệm của người sử dụng điện thông qua các chương trình tiết kiệm điện, chương trình quản lý nhu cầu điện, chương trình điều chỉnh phụ tải điện. Trong đó, mục tiêu quan trọng của các chương trình quản lý nhu cầu điện, chương trình điều chỉnh phụ tải điện là tác động thay đổi thói quen sử dụng điện của người dân theo hướng hiệu quả hơn, tiết kiệm được vốn đầu tư xã hội cho hạ tầng điện lực. Để thực hiện được việc này, cần phải *xây dựng cơ sở pháp lý để hình thành và vận hành hiệu quả các quỹ về phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hóa, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh*⁴.

Việc xây dựng Lưới điện thông minh, áp dụng các công nghệ tiên tiến, áp dụng thành quả của Cách mạng công nghiệp 4.0 trong ngành điện của Việt Nam

⁴ Trích khoản 1 Phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị

và các nước trên thế giới đang là xu hướng tất yếu trong kỷ nguyên chuyên đổi số hiện nay, đặc biệt khi tỷ trọng tham gia của năng lượng tái tạo (NLTT) trong hệ thống điện ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có quy định khung pháp lý cho phát triển Lưới điện thông minh tại Việt Nam.

5. Cần thiết có quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện, an toàn điện sau công tơ và an toàn đập, hồ chứa thủy điện

5.1. Về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện và an toàn điện

5.1.1. Về an toàn trong sử dụng điện

Thực tế hiện nay, dân số tăng cao, các dịch vụ kinh doanh, sản xuất phát triển theo đà tăng trưởng của nền kinh tế, vì vậy nhu cầu về sử dụng điện tăng cao dẫn đến phụ tải điện hàng năm liên tục tăng trưởng, có thời điểm tăng trưởng nóng đến hai con số (trên 10%). Các vụ tai nạn về điện có xu hướng tăng cao. Theo thống kê sơ bộ từ các địa phương trên cả nước trong giai đoạn vài năm trở lại đây, bình quân mỗi tỉnh xảy ra 5 - 8 vụ tai nạn về điện/năm, đặc biệt khu vực miền Tây Nam Bộ bình quân 10 - 15 vụ/năm, cá biệt khu vực Cà Mau có năm lên đến 20 vụ, làm chết và bị thương nhiều người, gây hư hỏng tài sản, thiệt hại về kinh tế...

Các nội dung về an toàn sử dụng điện (đặc biệt là an toàn điện sau công tơ) chưa được quy định một cách đầy đủ và hệ thống trong Luật và các văn bản dưới luật, một số vấn đề liên quan đến các hành vi đe dọa an toàn vận hành lưới điện, đe dọa tính mạng và tài sản người dân do tai nạn điện gây nên cũng chưa có quy định cấm, vì vậy, các cơ quan đang gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý.

Một số quy định liên quan lưới điện trong khu vực nhà ở dân sinh được các cơ quan, bộ ngành khác nhau chủ trì xây dựng, ban hành. Mặt khác Luật Điện lực (cũ) quy định ranh giới “...*Chịu trách nhiệm đầu tư đường dây dẫn điện từ sau công tơ mua điện đến nơi sử dụng điện* ...”. Do đó tại các công trình nhà ở và công trình công cộng phân điện sau công tơ (điện kế) chính do khách hàng sử dụng điện đầu tư hiện chưa có chế tài kiểm soát dẫn đến không đảm bảo yêu cầu chất lượng khi phê duyệt thiết kế, giám sát thi công, nghiệm thu công trình.

Thực tế đã và đang xuất hiện các hành vi vi phạm quy định an toàn điện trong nhân dân gây mất an toàn sử dụng điện như:

- Tự ý sửa chữa, thay đổi kết cấu mạch điện trong nhà; tăng công suất phụ tải sử dụng điện vượt quá nhu cầu đăng ký trong hợp đồng mua bán điện;
- Tự ý kéo điện sử dụng sai mục đích đã đăng ký trong hợp đồng mua bán điện.

Do chưa có quy định tại Luật Điện lực nên chưa có cơ sở để quy định chế tài xử lý vi phạm hành chính, do đó chưa đủ sức răn đe đối với các hành vi, vi phạm an toàn trong sử dụng điện, vi phạm quy trình vận hành dẫn đến tai nạn điện.

5.1.2. Về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện

- Trong những năm qua, hoạt động kiểm định các thiết bị dụng cụ điện được điều chỉnh bởi Luật Đo lường và quy định về kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp. Có sự chồng chéo và được quy định ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau.

Do đó thực tế phát sinh có những thiết bị vừa phải có giấy chứng nhận kiểm định, vừa phải có Giấy chứng nhận hiệu chuẩn hoặc biên bản thí nghiệm. Các quy định này cũng chưa phản ánh hết được các đặc thù của kiểm định an toàn thiết bị điện. Một số quy định chưa chặt chẽ về điều kiện hoạt động của các tổ chức kiểm định, dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận hoạt động rất khó kiểm soát được các đơn vị không đủ điều kiện về con người, trang thiết bị và nhà xưởng...

- Chu kỳ kiểm tra, thí nghiệm, bảo dưỡng được dựa trên tình trạng vận hành của các thiết bị, các dạng hư hỏng chức năng của thiết bị, dựa trên mức độ ảnh hưởng của các dạng hư hỏng, tần suất hư hỏng đã xảy ra trong quá khứ, chủng loại thiết bị tương tự, yêu cầu của nhà sản xuất, vai trò thiết bị trong hệ thống điện, kinh nghiệm chuyên gia, tính chất của từng hạng mục kiểm tra, thí nghiệm, hiệu suất mong muốn của chủ tài sản.

- Đối với các chủ sở hữu thiết bị có áp dụng các chính sách sửa chữa bảo dưỡng tiên tiến, chu kỳ kiểm định của thiết bị được phép kéo dài dựa trên quy trình phân tích của chính sách sửa chữa bảo dưỡng do chủ sở hữu phê duyệt. Vì vậy, việc áp dụng một chu kỳ không quá 3 năm đối với các thiết bị như các văn bản pháp luật nói trên sẽ không thực hiện được chính sách sửa chữa bảo dưỡng tiên tiến.

- Định mức, đơn giá áp dụng cho hoạt động kiểm định hiện nay chưa có quy định cụ thể.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung các quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện và quản lý an toàn sử dụng điện sau công tơ là cần thiết nhằm giải quyết vấn đề lỗ hổng pháp lý hiện nay, nhằm giảm thiểu các hậu quả trong đời sống dân sinh hiện nay.

5.2. Về an toàn đập, hồ chứa thủy điện

Luật Điện lực chưa có quy định chi tiết về công tác vận hành an toàn hồ chứa, công tác đảm bảo an toàn vùng hạ du đập thủy điện, công tác quản lý hoạt động trong phạm vi bảo vệ an toàn đập, hồ chứa thủy điện, công tác phối hợp giữa đơn vị quản lý vận hành công trình với các cấp chính quyền địa phương trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó tình huống khẩn cấp. Các quy định này hiện đang được quy định rải rác ở Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Đê điều, Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Cơ quan quản lý nhà nước và các chủ đập, hồ chứa thủy điện hiện nay đang thực hiện công tác quản lý vận hành công trình đập, hồ chứa thủy điện và các công tác liên quan đến phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) ở hạ du được thực hiện chủ yếu tuân thủ theo các pháp luật trên và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tuy nhiên, đập, hồ chứa thủy điện có nhiều đặc thù so với đập, hồ chứa nước nói chung. Đứng trước lợi nhuận có được từ hoạt động phát điện, nhiều chủ hồ thủy điện chấp nhận việc chịu phạt để vận hành sai quy trình, bởi vì lợi nhuận thu được từ việc vận hành sai quy trình gấp nhiều lần mức phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, tình trạng vi phạm quy trình vận hành dẫn đến nguy cơ sự cố nghiêm trọng

vẫn diễn ra phổ biến tại các chủ đập, hồ chứa thuộc bộ phận tư nhân. Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2018/NĐ-CP đã phần nào giải quyết được vấn đề khung pháp lý của lĩnh vực thủy điện. Nhằm nâng cao hiệu lực pháp lý trong việc quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện, cần Luật hóa một số nguyên tắc, quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP để quy định tại Luật Điện lực, đặc biệt là những nội dung mang tính chuyên ngành, đặc thù để điều chỉnh vấn đề an toàn đập, hồ chứa thủy điện so với vấn đề quản lý an toàn đập, hồ chứa nước nói chung. Theo đó sẽ phân cấp cho Chính phủ, Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

Từ những tồn tại, hạn chế nêu trên, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực là cần thiết đảm bảo các yêu cầu thực tiễn sau:

Một là, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước được quy định tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “nhanh chóng xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng” (khoản 1 Phần II về quan điểm chỉ đạo) và khoản 2 Phần II về mục tiêu tổng quát “Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Hai là, việc sửa đổi Luật Điện lực sẽ đáp ứng yêu cầu về sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật có liên quan và yêu cầu mới phát sinh trong thực tiễn, khắc phục những bất cập của cơ chế chính sách trong lĩnh vực điện lực để phù hợp với sự phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo cung cấp điện đầy đủ, kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của đất nước.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

- Hoàn thiện quy định pháp luật về điện lực, phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, luật hóa định hướng chủ trương, chính sách của Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Hoàn thiện Luật Điện lực nhằm tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, khả thi cho hoạt động điện lực và sử dụng điện. Đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ giữa chính sách phát triển điện lực với các chính sách có liên quan khác, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đồng thời, khắc phục các bất cập trong quá trình thực thi Luật Điện lực hiện hành.

- Tạo điều kiện cho phát triển nguồn và lưới điện nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của nhân dân và sự phát triển của nền kinh tế - xã hội; bảo đảm và nâng cao chất lượng điện năng, chất lượng cung cấp dịch vụ điện; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia, trong đó, đây

manh việc phát triển điện năng lượng tái tạo phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

- Đổi mới các nội dung quy định tại luật nhằm nâng cao tính khả thi và tính hiệu quả trong thực thi pháp luật về điện lực, đáp ứng yêu cầu của phát triển ngành điện nói chung và thị trường điện lực cạnh tranh nói riêng, tiến tới xây dựng thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh, trong đó, trọng tâm là điều chỉnh cơ chế giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; bảo đảm phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị điện lực, không phân biệt đối xử trong hoạt động điện lực, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động điện lực; kết hợp hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện, đơn vị điện lực và Nhà nước.

- Xây dựng cơ chế chính sách để khuyến khích sử dụng điện an toàn, tiết kiệm hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển năng lượng bền vững, đồng thời, hoàn thiện quy định để ràng buộc trách nhiệm của khách hàng sử dụng điện trong quá trình sử dụng điện nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản, giảm thiểu thiệt hại cho gia đình và xã hội.

- Nâng cao tính hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền các nội dung hướng dẫn cho Chính phủ, Bộ Công Thương, phù hợp với đặc thù của ngành điện lực là ngành kỹ thuật, thường xuyên thay đổi để phù hợp với sự cải tiến của khoa học, kỹ thuật, đặc biệt hoạt động vận hành hệ thống điện, an toàn đập và hồ chứa thủy điện, góp phần tích cực trong công tác bảo đảm an ninh cung cấp điện.

2. Quan điểm xây dựng Luật

- Xây dựng Luật đề thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm xây dựng và phát triển ngành điện phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Đảm bảo sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với các hoạt động điện lực, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; trong đó phân định rõ chức năng quản lý, điều tiết của nhà nước về điện lực và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh điện của doanh nghiệp.

- Tập trung các nguồn lực để sửa đổi, hoàn thiện Luật Điện lực một cách đồng bộ, toàn diện, đảm bảo tính khả thi; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hình thành và vận hành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh.

- Chú trọng đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến và tận dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư.

- Cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động điện lực kết hợp với việc cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phối hợp giữa các cơ quan quản lý

nhà nước trong phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về điện lực, giữ vững kỷ cương và sự bền vững của thị trường.

- Kế thừa, tiếp tục phát triển và hoàn thiện những quy định pháp luật về điện lực còn phù hợp với thực tế và đã có tác động tích cực đối với sự phát triển của ngành điện, đồng thời chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định đã phát sinh hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với cam kết quốc tế có liên quan; xác định rõ nội dung, nguyên tắc áp dụng Luật Điện lực bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Điện lực và các luật khác có liên quan.

3. Quá trình lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật

- Bộ Công Thương đã có văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị điện lực và các hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực điện lực triển khai tổng kết thi hành Luật Điện lực (Công văn số 2223/BCT-ĐTĐL ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Bộ Công Thương) và đã có Báo cáo tổng kết thi hành Luật Điện lực.

- Trên cơ sở tổng kết đánh giá thực tiễn thi hành Luật, Bộ Công Thương đã xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; các tổ chức Hiệp hội và các đơn vị điện lực (Công văn số 4434/BCT-ĐTĐL ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Công Thương và Công văn số 4989/BCT-ĐTĐL ngày 17 tháng 8 năm 2021 đôn đốc các Bộ, ngành liên quan, các đơn vị thuộc Bộ, Hiệp hội và các doanh nghiệp gửi ý kiến góp ý) và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương trong thời hạn 30 ngày (từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 26 tháng 8 năm 2021) để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của 107 cơ quan, tổ chức, đơn vị (không nhận được ý kiến nào của tổ chức, cá nhân đối với Dự thảo Luật Điện lực trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Công Thương), Bộ Công Thương đã hiệu chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Công văn số 6097/BCT-ĐTĐL ngày 04 tháng 10 năm 2021) và đăng tải Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật cùng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương (ngày 04 tháng 10 năm 2021) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 6 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

- Ngày 27 tháng 10 năm 2021, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp thẩm định đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và ngày 08 tháng 11 năm 2021, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 203/BCTĐ-BTP.

- Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã tiếp thu, giải trình và hiệu chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực để trình Chính phủ.

- Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của Văn phòng Chính phủ và ý kiến của Thường trực Chính phủ (tại Thông báo số 60/TB-VPCP ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp), Bộ Công Thương đã tiếp thu, giải trình và hiệu chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực để tiếp tục trình Chính phủ xem xét, quyết định.

- Ngày 26 tháng 8 năm 2022, Bộ Công Thương có Báo cáo số 152/BC-BCT báo cáo Phó Thủ tướng Lê Văn Thành về kết quả tổng kết và định hướng chính sách của việc sửa đổi Luật Điện lực, gửi kèm theo là Dự thảo Hồ sơ đề nghị Luật trình Chính phủ (bao gồm Dự thảo tờ trình, Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành Luật Điện lực, Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Dự thảo đề cương chi tiết Luật Điện lực).

- Ngày 08 tháng 11 năm 2022, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7522/VPCP-PL thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành, trong đó có các nội dung chỉ đạo: Giao Bộ Công Thương khẩn trương hoàn thiện Đề nghị xây dựng dự án Luật, lấy ý kiến các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Ngoại giao, Tư pháp, các bộ, cơ quan liên quan, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ, bảo đảm chất lượng Đề nghị xây dựng dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quy chế làm việc của Chính phủ.

- Ngày 20 tháng 12 năm 2022, Bộ Công Thương đã có Công văn số 8230/BCT-ĐTĐL gửi 11 Bộ, cơ quan bao gồm các Bộ Quốc phòng, Công an, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước. Hết thời hạn các Bộ, cơ quan phải có ý kiến góp ý theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã nhận được 05 ý kiến của các Bộ Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Bộ Công Thương đã tổng hợp và tiếp thu giải trình tại Bản tổng hợp, giải trình.

Theo đó, Bộ Công Thương đã hiệu chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực theo hướng tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp chuyển sang lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi) nhằm sửa đổi toàn diện Luật Điện lực (do nội dung đề nghị sửa đổi nhiều, Luật Điện lực đã sửa đổi, bổ sung nhiều lần, do đó, việc đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực là chưa hợp lý).

- Ngày ... tháng ... năm 2023, Bộ Công Thương đã gửi hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi) đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Công văn số...../ĐTĐL-BCT).

- Ngày ... tháng ... năm 2023, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp thẩm định đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi) và ngày ... tháng ... năm 2023, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số

- Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã tiếp thu, giải trình và hiệu chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi) để trình Chính phủ.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về chính sách phát triển điện lực; quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực; cấp Giấy phép hoạt động điện lực; hoạt động mua bán điện; vận hành hệ thống điện; bảo vệ, công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến điện lực tại Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn thi hành, xác định các vấn đề cần thiết để hoạch định chính sách phát triển điện lực trong thời gian tới, Bộ Công Thương xác định một số chính sách lớn trong quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực; cấp Giấy phép hoạt động điện lực; hoạt động mua bán điện; vận hành hệ thống điện; bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện nhằm đáp ứng mục tiêu đảm bảo an ninh cung cấp điện bao gồm:

1. Chính sách 01: Quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực nhằm bảo đảm an ninh năng lượng cho đất nước

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa đồng thời đảm bảo thể chế hóa yêu cầu đa dạng hóa nguồn nhiên liệu sử dụng cho phát điện, kết hợp hài hòa nguồn năng lượng sơ cấp trong nước và nhập khẩu nhằm đảm bảo an ninh năng lượng để góp phần đảm bảo đủ nguồn cung năng lượng sơ cấp cho phát điện tại Nghị quyết số 55-NQ/TW.

- Thể chế hóa các cam kết của Lãnh đạo Chính phủ tại COP 26 để làm cơ sở đưa vào các mục tiêu phát triển điện năng lượng tái tạo trong Quy hoạch phát triển

điện quốc gia và từ đó xây dựng các chính sách để đạt được các mục tiêu trong quy hoạch phát triển điện quốc gia.

- Đáp ứng yêu cầu về sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật có liên quan và yêu cầu mới phát sinh trong thực tiễn, khắc phục những bất cập của cơ chế chính sách để có hệ thống cơ chế, chính sách quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực đầy đủ, thực hiện phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Nội dung của chính sách

Xây dựng một số quy định có tính nguyên tắc chung về quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực nhằm tránh chồng chéo và đảm bảo tính thống nhất với các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đất đai,... Đề xuất sửa đổi một số quy định pháp luật quy hoạch nhằm tháo gỡ vướng mắc trong tổ chức thực hiện quy hoạch.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

1.3.1. Giải pháp thực hiện chính sách

a) Hoàn thiện các quy định về chính sách quy hoạch phát triển điện lực và đầu tư phát triển điện lực nhằm đảm bảo an ninh cung cấp điện, cụ thể bổ sung các quy định như sau:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 4 về chính sách phát triển điện lực đối với năng lượng tái tạo như sau: *“Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để phát điện; có chính sách ưu đãi giá bán điện đối với dự án đầu tư phát triển nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo”*.

- Giữ nguyên một số quy định Điều 9 (Lập, phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực), Điều 10 (Kinh phí cho công tác quy hoạch) và Điều 61 (Đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo) Luật Điện lực hiện hành.

- Quy định “Quy hoạch phát triển điện lực” tại Điều 8 Luật Điện lực được hiểu bao gồm “QHPTĐ quốc gia” và “Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh” nhằm tạo cơ sở để đánh giá sự phù hợp với quy hoạch ngành của các dự án điện trong “Phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh”.

- Hoàn thiện quy định tại Điều 11 Luật Điện lực hiện hành về việc đầu tư phát triển điện lực theo hướng đánh giá trên cơ sở QHPTĐL (theo Luật Điện lực hiện hành) và kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực nhằm tạo cơ sở pháp lý để đánh giá sự phù hợp dự án điện lực với QHPTĐL, Quy hoạch tỉnh (do kế hoạch thực hiện các quy hoạch sẽ có danh mục dự án điện lực, trong đó, bao gồm cả các dự án không trong danh mục dự án quan trọng quốc gia, ưu tiên đầu tư).

- Bổ sung quy định về phối hợp quản lý nhà nước đối với các dự án điện theo QHPTĐL, Quy hoạch tỉnh (phương án phát triển mạng lưới cấp điện):

(i) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tiến độ, quy mô các dự án đầu tư phát triển nguồn điện, lưới

điện truyền tải của kế hoạch thực hiện QHPTĐL nhằm tạo cơ sở triển khai các dự án trong kế hoạch thực hiện quy hoạch mà vẫn đảm bảo mục tiêu, định hướng của quy hoạch được duyệt⁵.

(ii) Quy định UBND các tỉnh, thành phố định kỳ hàng năm rà soát, báo cáo định kỳ gửi Bộ Công Thương tình hình thực hiện các dự án điện trong địa bàn, đề xuất xử lý các dự án chậm triển khai theo quy định pháp luật về đầu tư, đất đai. Trên cơ sở đề xuất của UBND, Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh tiến độ của dự án, thu hồi dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Bổ sung một số quy định thực hiện đầu tư các dự án điện khẩn cấp nhằm giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện. Nội dung gồm:

+ Quy định tiêu chí các dự án điện khẩn cấp:

(i) Các dự án nguồn cần phải xây dựng, đưa vào vận hành gấp để bù đắp lượng công suất nguồn điện, sản lượng điện thiếu hụt do chậm tiến độ của các dự án điện khác hoặc để đồng bộ với tiến độ của chuỗi dự án khí - điện.

(ii) Các dự án lưới điện có vai trò quan trọng trong việc truyền tải công suất nguồn điện giữa các khu vực, cần phải đưa vào vận hành gấp để chống quá tải cho khu vực nào đó của lưới điện hoặc các dự án cần đầu tư gấp để đảm bảo đồng bộ với các dự án nguồn điện.

+ Quy định xây dựng danh mục công trình điện khẩn cấp và các cơ chế đặc thù để thực hiện: Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ ngành trình Thủ tướng Chính phủ danh mục công trình điện khẩn cấp và các cơ chế đặc thù để thực hiện, bao gồm: chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng, bồi thường, giải phóng mặt bằng, khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; hình thức lựa chọn nhà thầu và các cơ chế đặc thù khác theo thẩm quyền để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng. Người được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các cơ chế đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và triển khai các công việc liên quan khác đến quá trình đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bổ các quy định về đất sử dụng cho dự án điện lực do các nội dung quy định đã được quy định đầy đủ tại pháp luật về đất đai⁶ và quy hoạch⁷.

⁵ Việc rà soát quy hoạch định kỳ 05 năm, điều chỉnh quy hoạch đã được quy định tại Điều 52, 53, 54 Luật Quy hoạch nên nội dung quy định đề xuất sửa đổi Luật Điện lực này không mâu thuẫn với quy định Luật Quy hoạch và phù hợp với vai trò quản lý thực hiện quy hoạch ngành quốc gia của Bộ Công Thương.

⁶ Nhà nước giao đất, cho thuê đất được quy định tại Khoản 7, 8 Điều 3 Luật đất đai 2013; K3, Đ58 Luật Đất đai năm 2013; Chương 4 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

⁷ Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong Quy hoạch tỉnh (trong đó có đất cho công trình năng lượng điện b, Khoản 7, Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP; Luật Quy hoạch: Khoản 3, Điều 45 - Kế hoạch thực hiện quy hoạch; Điều 24 nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã có nhu cầu sử dụng đất của các ngành và Điều 22 Nghị định 37/2019 về xác định và khoanh định cụ thể diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia (đất công trình năng lượng).

- Bãi bỏ quy định không phù hợp, chồng chéo với các quy định khác trong Luật Điện lực (điểm c khoản 1 Điều 13 Luật Điện lực).

- Bổ sung quy định việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án nguồn điện thực hiện theo Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật PPP và các luật khác có liên quan (trừ các dự án nằm trong danh mục kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp).

- Sửa đổi khoản 4 Điều 29 như sau: “Bảo đảm quyền tự quyết định giá mua, bán điện trong khung giá, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Nhà nước quy định của các đối tượng mua bán điện trên thị trường điện lực, trừ trường hợp giá phát điện theo kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

- Sửa đổi khoản 3 Điều 31 như sau: “Giá phát điện theo hợp đồng mua bán điện có thời hạn, giá bán buôn điện do các đơn vị điện lực thỏa thuận hoặc theo kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng không được vượt quá khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện đã được phê duyệt.”

b) Đồng thời, đề xuất sửa đổi một số quy định pháp luật tại các Luật khác liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Quy hoạch như sau:

- Sửa đổi khoản 4 Điều 7 Luật Doanh nghiệp, quy định về quyền doanh nghiệp, như sau: “Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng, ***trừ trường hợp quy định khác của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.***”

- Sửa đổi Phụ lục 1 Luật Quy hoạch: “Quy hoạch phát triển điện lực” thành “Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia” nhằm thống nhất với quy định tại Luật Điện lực sau khi sửa đổi và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

1.3.2. Lý do lựa chọn chính sách

Chính sách này có những tác động tích cực, nổi trội về kinh tế, xã hội và đảm bảo các yếu tố khác như về giới, thủ tục hành chính, môi trường, hệ thống pháp luật, đặc biệt là tác động về kinh tế và xã hội như:

- Đảm bảo thực hiện các dự án điện lực theo các quy hoạch được duyệt, đảm bảo cung cấp điện, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc rà soát, kịp thời điều chỉnh các thông số kỹ thuật các dự án điện trong kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực nhằm thực hiện được mục tiêu đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội; môi trường pháp lý được minh bạch, rõ ràng hơn, giúp cho cơ quan quản lý và nhà đầu tư, doanh nghiệp có cơ sở để thực hiện đề nghị điều chỉnh và triển khai các dự án điện lực; bảo đảm được quyền và lợi ích của tổ chức tham gia vào hoạt động điện lực; bảo đảm được tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư: Thực hiện được thủ tục đầu tư đối với các dự án điện lực trong danh mục của Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và quy hoạch tỉnh; bảo đảm được tính tuân thủ, quyền và lợi ích của tổ chức tham gia vào hoạt động điện lực.

- Đối với Nhà nước: Đảm bảo cơ sở thực hiện quy hoạch, đầu tư điện phát triển điện lực đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội; môi trường pháp lý được minh bạch, rõ ràng hơn, giúp cho cơ quan quản lý và nhà đầu tư; bảo đảm được quyền và lợi ích của tổ chức tham gia vào hoạt động điện lực; bảo đảm được tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước.

- Đối với khách hàng sử dụng điện: Được đảm bảo cung cấp điện theo nhu cầu sử dụng điện với chất lượng điện năng theo quy định, tiêu chuẩn.

2. Chính sách 02: Hoàn thiện các quy định về điều kiện hoạt động điện lực và việc cấp, thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực

2.1. Mục tiêu của chính sách

- Thê chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa tại Nghị quyết số 55-NQ/TW.

- Đổi mới các nội dung quy định tại luật nhằm nâng cao tính khả thi và tính hiệu quả trong thực thi pháp luật về điện lực; tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý, điều hành ngành điện.

- Bảo đảm phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị điện lực, không phân biệt đối xử trong hoạt động điện lực, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động điện lực; kết hợp hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện, đơn vị điện lực và Nhà nước.

- Đảm bảo tính linh hoạt, tạo điều kiện cho các đơn vị nhanh chóng tham gia hoạt động điện lực. Tăng cường công tác hậu kiểm của cơ quan quản lý nhà nước đối với việc đáp ứng đủ các điều kiện tham gia hoạt động điện lực, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tế thi hành. Đảm bảo hiệu quả, hiệu lực của việc thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Đảm bảo tính thống nhất trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, đảm bảo việc lập và điều chỉnh giá điện được xây dựng trên căn cứ phù hợp, dễ thực hiện.

2.2. Nội dung của chính sách

Hoàn thiện các quy định về điều kiện hoạt động điện lực và việc cấp, miễn trừ, thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực đáp ứng yêu cầu từ thực tiễn thi hành.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

2.3.1. Giải pháp thực hiện chính sách

Hoàn thiện các quy định về Giấy phép hoạt động điện lực đáp ứng yêu cầu từ thực tiễn thi hành, cụ thể như sau:

- Hoàn thiện quy định về giấy phép hoạt động điện lực theo hướng Luật Điện lực quy định các nguyên tắc chung về giấy phép hoạt động điện lực, miễn trừ giấy phép, các loại hình phải cấp giấy phép, thẩm quyền và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực.

- Giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực, các trường hợp miễn trừ, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực để điều chỉnh phù hợp với thực tiễn áp dụng.

- Giao Bộ Công Thương quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động điện lực.

- Bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp phép.

2.3.2. Lý do lựa chọn chính sách

Chính sách này có những tác động tích cực, nổi trội về kinh tế, xã hội và đảm bảo các yếu tố khác như về giới, thủ tục hành chính, môi trường, hệ thống pháp luật, cụ thể:

- Tác động về kinh tế:

+ Đối với doanh nghiệp: Phương án này không phát sinh chi phí thực hiện do không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

+ Đối với người dân: Phương án này không phát sinh chi phí liên quan đến người dân.

- Tác động về xã hội:

+ Đối với nhà nước: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực.

+ Đối với nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài: Tăng cơ hội tham gia hoạt động điện lực do tiết giảm các điều kiện hoạt động điện lực.

+ Đối với doanh nghiệp hoạt động điện lực: Dễ dàng thực hiện các quy định của pháp luật.

+ Đối với người dân: Phương án này không tác động đến người dân.

- Tác động về môi trường: Các quy định mới của chính sách này không có tác động đến môi trường.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Chính sách này không phát sinh thêm thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực hoạt động điện lực (do kế thừa các thủ tục hành chính hiện hành tại Luật Điện lực cũ).

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này không tác động đến bộ máy quản lý nhà nước; không có tác động đến các điều kiện cần thiết để đảm bảo thi hành; không tác động đến quyền cơ bản của công dân; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đảm bảo tương thích với các Điều ước quốc tế.

3. Chính sách 03: Quản lý hoạt động mua bán điện theo hướng thúc đẩy thị trường điện cạnh tranh minh bạch, công bằng, hiệu quả và giá điện theo cơ chế thị trường

3.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo tính thống nhất trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ.
- Giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo trong giá điện để đảm bảo giá điện phản ánh đúng chi phí cung cấp điện tới các đối tượng sử dụng điện, đảm bảo sự minh bạch trong xác định giá điện.
- Đảm bảo thực hiện chính sách giá điện công bằng, minh bạch giữa các đơn vị phát điện của mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực.
- Nâng cao hiệu quả vận hành, mở rộng phạm vi tham gia thị trường điện, đảm bảo đồng bộ giữa xây dựng và phát triển các cấp độ thị trường điện lực cạnh tranh với các chính sách về giá điện, tạo điều kiện pháp lý cần thiết để tách bạch độc lập các hoạt động mang tính độc quyền tự nhiên (điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện, phân phối điện) với các khâu mang tính cạnh tranh (kinh doanh mua, bán điện).
- Đảm bảo thị trường điện vận hành theo nguyên tắc công bằng, minh bạch, không phân biệt đối xử giữa các thành viên tham gia thị trường điện, có công cụ quản lý rủi ro và tăng lựa chọn đơn vị cung cấp điện của khách hàng sử dụng điện.

3.2. Nội dung của chính sách

Hoàn thiện các quy định về thị trường điện, giá điện, mua bán điện đảm bảo giá điện theo thị trường và phù hợp với các thay đổi về cấu trúc ngành điện đáp ứng yêu cầu của thị trường điện lực cạnh tranh và theo thực tiễn thi hành.

3.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

3.3.1. Giải pháp thực hiện chính sách

- Sửa đổi quy định về thẩm quyền ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện theo hướng Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện, trong đó quy định thẩm quyền điều chỉnh giá bán lẻ điện theo từng mức điều chỉnh giá gồm Chính phủ, đơn vị điện lực (Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
- Bổ sung quy định về chính sách giá điện theo đó sẽ giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng, miền.
- Bổ sung quy định về thực hiện chính sách giá điện cho các đơn vị điện lực theo đó chính sách giá điện sẽ được thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực.
- Sửa đổi quy định giá điện nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia để vừa đáp ứng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp; phù hợp với quy định tại khoản 1a Điều 4 Luật Điện lực về chính sách phát triển điện lực (quy định: "ưu tiên phát triển điện phục vụ nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn") và để đảm bảo tính thống nhất, xuyên suốt trong quy định từ Luật Điện lực đến văn bản dưới Luật.
- Hoàn thiện các quy định về thị trường điện, bao gồm:

+ Bổ sung quy định về hợp đồng kỳ hạn dạng chênh lệch là một hình thức giao dịch trong thị trường điện lực cạnh tranh.

+ Bổ sung quy định về hoạt động mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện thông qua lưới điện quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn điện năng lượng tái tạo.

+ Bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện.

+ Bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh để các đơn vị dễ dàng thực hiện theo chức năng nhiệm vụ khi tham gia thị trường điện.

- Về phân cấp, phân quyền trong giá điện và hoạt động mua bán điện:

+ Giao Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lộ trình thực hiện và đối tượng áp dụng đối với giá điện hai thành phần (bao gồm giá công suất và giá điện năng).

+ Bổ quy định Bộ Công Thương kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thời hạn.

+ Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về mua bán điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia và mua điện trực tiếp với nước ngoài không qua hệ thống điện quốc gia tại khu vực biên giới; hợp đồng mua bán điện sinh hoạt, đảm bảo thực hiện hợp đồng, thanh toán tiền điện; phương pháp xác định bồi thường thiệt hại trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được.

+ Bổ sung quy định giao Bộ Công Thương hướng dẫn những nội dung chính của hợp đồng mua bán điện có thời hạn (giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ, hợp đồng dịch vụ truyền tải điện, hợp đồng mua bán buôn điện) và một số nội dung của Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt.

+ Sửa đổi quy định về thẩm quyền ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện theo hướng Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện, trong đó quy định thẩm quyền điều chỉnh giá bán lẻ điện theo từng mức điều chỉnh giá gồm Chính phủ, đơn vị điện lực (Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

3.3.2. Lý do lựa chọn chính sách

Chính sách này đã thể chế hóa đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 55-NQ/TW về giá bán điện thực hiện theo cơ chế thị trường và đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh. Đồng thời chính sách có những tác động tích cực, nổi trội về kinh tế, xã hội và đảm bảo các yếu tố khác như về giới, thủ tục hành chính, môi trường, hệ thống pháp luật, đặc biệt là tác động về kinh tế, xã hội như:

- Đối với doanh nghiệp hoạt động điện lực: Đảm bảo chính sách giá điện được thực hiện công bằng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực; doanh nghiệp hoạt động điện lực tham gia cạnh tranh trên thị trường điện có các công cụ hiệu quả để quản lý rủi ro biến động giá giao ngay trên thị trường điện.

- Đối với khách hàng sử dụng điện: Tăng lựa chọn mua điện từ đơn vị cung cấp điện, giá điện tính toán minh bạch, đáp ứng cam kết về môi trường.

- Đối với nhà đầu tư: Khuyến khích nhà đầu tư trong nước tham gia vào lĩnh vực bán lẻ điện khi quy định về thị trường điện bán lẻ đã được thực hiện đầy đủ (đơn vị phân phối điện đã tách bạch với hoạt động kinh doanh bán lẻ điện). Tạo lòng tin nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp khi tham gia thị trường điện cạnh tranh vì thị trường điện được đảm bảo vận hành công khai, minh bạch (đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phân phối điện đã được tách ra độc lập).

- Đối với người dân: Tạo được lòng tin của người dân với công tác điều hành giá của Chính phủ.

- Chính sách này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nhất là giữa Luật Điện lực với Luật Giá, Luật Phí và Lệ phí và Luật Tổ chức Chính phủ và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

4. Chính sách 04: Quản lý, vận hành hệ thống điện, chú trọng khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, tăng cường thực hiện giải pháp quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải điện

4.1. Mục tiêu của chính sách

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa tại Nghị quyết số 55-NQ/TW.

- Đổi mới các nội dung quy định tại luật nhằm nâng cao tính khả thi và tính hiệu quả trong thực thi pháp luật về điện lực; tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý, điều hành ngành điện.

- Bảo đảm phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị điện lực, không phân biệt đối xử trong hoạt động điện lực, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động điện lực; kết hợp hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện, đơn vị điện lực và Nhà nước.

4.2. Nội dung của chính sách

- Quy định về vận hành, điều hành hệ thống điện, các quy định kỹ thuật trong hệ thống điện Việt Nam.

- Quy định về quản lý nhu cầu điện và thực hiện điều chỉnh phụ tải theo yêu cầu của hệ thống điện và đáp ứng mục tiêu tiết kiệm điện như quy định về cơ chế tài chính, hướng dẫn thanh toán cho thực hiện chương trình điều chỉnh phụ tải theo yêu cầu của hệ thống điện; quy định đồng bộ để triển khai thực hiện về bắt buộc thực hiện (thay cho khuyến khích thực hiện) điều chỉnh phụ tải theo yêu cầu của hệ thống điện; quy định về áp dụng công nghệ tiên tiến để phát triển lưới điện thông minh.

4.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

4.3.1. Giải pháp thực hiện chính sách

- Kế thừa quy định còn phù hợp tại Luật Điện lực; rà soát quy định giữa Luật

Điện lực và Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để chuẩn hóa lại vấn đề tiết kiệm điện trong phát điện, truyền tải và phân phối điện, quản lý nhu cầu điện, phát triển thị trường tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng cần được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hiện nay.

- Xây dựng và ban hành cơ chế tài chính, bổ sung cơ sở pháp lý để triển khai các chương trình quản lý nhu cầu điện (DSM), chương trình điều chỉnh phụ tải theo yêu cầu của hệ thống điện; ban hành Chương trình quốc gia về tiết kiệm điện nhằm khuyến khích thúc đẩy các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức tiết kiệm điện, tuân thủ các quy định về tiết kiệm điện, khuyến khích sử dụng điện trong giờ thấp điểm, giảm sử dụng điện trong giờ cao điểm của biểu đồ phụ tải hệ thống điện.

- Xây dựng chính sách thúc đẩy phát triển lưới điện thông minh; cập nhật, bổ sung các quy định về hiện đại hóa lưới điện, lưới điện thông minh, các quy định mới phù hợp với tình hình phát triển của khoa học công nghệ và thực tế phát triển của lưới điện Việt Nam.

- Bổ sung các quy định về vận hành, điều hành hệ thống điện, các quy định kỹ thuật đã được đưa và áp dụng nhiều năm mang tính ổn định tại các văn bản hướng dẫn Luật Điện lực.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý, vận hành hệ thống điện nhằm bảo đảm chất lượng điện năng và an ninh năng lượng, triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, quản lý nhu cầu, điều chỉnh phụ tải điện và phát triển lưới điện thông minh, cụ thể:

+ Bổ sung tại Điều 4: “Chính phủ quy định về các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh” để làm cơ sở quy định chi tiết nội dung trong Nghị định hướng dẫn Luật⁸. Đồng thời, giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết về quản lý nhu cầu điện và sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả (trong đó phân định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, của đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện trong việc thực hiện các giải pháp để sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả).

+ Giao Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

+ Giao Bộ Công Thương quy định các quy định chi tiết về quy định tiêu chuẩn chất lượng điện năng, đo đếm điện năng, lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, hướng dẫn trình tự thực hiện ngừng giảm mức cung cấp điện, bảo đảm chất lượng điện năng, quy trình đầu nối, quy trình khởi động đen, quy trình thao tác,... cho toàn bộ hệ thống điện. Xây dựng định mức điện tự dùng cho các loại nhà máy điện và xây dựng quy định kỹ thuật; các chương trình điều chỉnh phụ tải điện, phát triển lưới điện thông minh.

⁸ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP đã có quy định “các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh” tuy nhiên, Luật Điện lực hiện hành thiếu quy định giao Chính phủ quy định nội dung này.

4.3.2. Lý do lựa chọn chính sách

Chính sách này nhằm hoàn thiện các quy định về quản lý, vận hành và điều hành hệ thống điện nhằm đảm bảo an toàn, ổn định và hiệu quả.

Đồng thời, thể chế được nhiệm vụ “sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội” tại Nghị quyết số 55-NQ/TW. Chính sách có những tác động tích cực, nổi trội về kinh tế, xã hội và đảm bảo các yếu tố khác như về giới, thủ tục hành chính, môi trường, hệ thống pháp luật, đặc biệt là tác động về kinh tế, xã hội và môi trường như:

- Giảm chi phí đầu tư nguồn điện phủ định nên tiết kiệm ngân sách nhà nước trong đầu tư, giảm chi phí nhiên liệu cho sản xuất điện nên làm giảm áp lực tăng giá điện có thể tăng thu ngân sách do kinh tế phát triển tốt do được cấp điện an toàn. Giảm nguy cơ mất ổn định hệ thống điện, giảm thiểu nguy cơ mất điện. Căn cứ vào tình hình cân bằng cung - cầu thực tế, tùy thuộc quy mô và khả năng triển khai của giải pháp điều chỉnh phụ tải, giải pháp này có thể giảm hoặc loại trừ hoàn toàn nguy cơ phải cắt điện cưỡng bức do thiếu công suất.

- Đối với nhà đầu tư trong, ngoài nước, doanh nghiệp là khách hàng sử dụng điện: Tín hiệu tốt về thu hút đầu tư. Được cấp điện an toàn cho sản xuất - kinh doanh; được chủ động trong quản lý vận hành sản xuất, kinh doanh khi thực hiện điều chỉnh phụ tải điện, tiết kiệm chi phí sử dụng điện.

- Đối với người dân: Được giảm chi phí trong quá trình sử dụng điện, được cấp điện an toàn do hệ thống điện vận hành an toàn, tin cậy.

- Tác động về môi trường: Hệ thống không phải đầu tư thêm nguồn điện, lưới điện để đáp ứng nhu cầu phụ tải đỉnh, giảm phát thải kính nhà kính trong quá trình sản xuất, xây lắp các thiết bị này. Đồng thời chính sách quản lý nhu cầu điện giúp giảm công suất giờ cao điểm, nhờ đó hệ thống điện giảm việc huy động các nguồn than, dầu phát thải khí nhà kính có tác động xấu đến môi trường.

5. Chính sách 05: An toàn sử dụng điện sau công tơ và bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện trong giai đoạn xây dựng và vận hành công trình thủy điện

5.1. Mục tiêu của chính sách

- Đảm bảo an toàn sử dụng điện cho khách hàng sử dụng điện, tránh hoặc giảm thiểu thiệt hại về kinh tế do hậu quả của việc mất an toàn sử dụng điện, mất an toàn đập và hồ chứa thủy điện.

- Hạn chế tối đa các sự cố về lưới điện do tai nạn sử dụng điện và sự cố nhà máy thủy điện gây nên; tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí khắc phục đối với các đơn vị quản lý vận hành hệ thống điện và các doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu lực pháp luật, hiệu quả quản lý nhà nước đối với vấn đề an toàn đập, hồ chứa thủy điện và an toàn điện, đặc biệt là an toàn điện sau công tơ, bảo vệ tính mạng, tài sản của người dân, doanh nghiệp. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện và an toàn sử dụng điện.

- Đảm bảo sử dụng nguồn nước hiệu quả để phát điện, góp phần đảm bảo an

ninh năng lượng. Đồng thời, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng sơ đồ điện lực quốc gia.

5.2. Nội dung của chính sách

Hoàn thiện các quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện, an toàn điện sau công tơ và bổ sung quy định an toàn đập thủy điện, hồ chứa thủy điện trong giai đoạn xây dựng và vận hành công trình thủy điện, bao gồm:

- Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị điện, dụng cụ điện;
- Quy định về quản lý sử dụng điện an toàn trong sinh hoạt, dịch vụ;
- Quy định về an toàn cho nhà máy điện và trạm phát điện;
- Quy định về công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trong giai đoạn xây dựng và vận hành công trình thủy điện.

5.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

5.3.1. Giải pháp thực hiện chính sách

- Bổ sung quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị điện, dụng cụ điện với các nội dung như danh mục thiết bị, dụng cụ phải kiểm định, nội dung kiểm định, chu kỳ kiểm định, quản lý hoạt động kiểm định và phân cấp, phân quyền cho cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện.

- Sửa đổi quy định nội dung quản lý sử dụng điện an toàn sau công tơ như tổng công suất sử dụng, trang thiết bị điện, dây dẫn điện, lưới điện hạ áp, nhánh dây điện, mạch điện, hoạt động sửa chữa kết cấu mạng điện, v.v..., các hành vi bị cấm của Khách hàng sử dụng điện và quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của khách hàng nhằm đảm bảo sử dụng điện an toàn tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước thực thi công vụ, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra.

- Bổ sung quy định về an toàn cho nhà máy điện và trạm phát điện; về công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trong giai đoạn xây dựng và vận hành công trình thủy điện và phân cấp, phân quyền cho cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện.

- Thực hiện phân cấp trong quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện:

+ Giao Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên phạm vi cả nước và quy định chi tiết về hoạt động quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

+ Giao Bộ Công Thương kiểm tra, giám sát việc quản lý vận hành đảm bảo an toàn đối với các công trình đập, hồ chứa thủy điện quan trọng đặc biệt và các công trình được xây dựng trên địa bàn 02 tỉnh trở lên, trừ các công trình do Hội đồng tư vấn, đánh giá an toàn đập quốc gia thực hiện.

+ Quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

+ Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: (i) Kiểm tra, giám sát

việc quản lý vận hành đảm bảo an toàn đối với các công trình đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh, trừ các công trình do Bộ Công Thương và Hội đồng tư vấn, đánh giá an toàn đập quốc gia thực hiện và (ii) Phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý vận hành đảm bảo an toàn đối với các công trình đập, hồ chứa thủy điện xây dựng trên địa bàn tỉnh.

+ Quy định trách nhiệm các chủ sở hữu công trình đập, hồ chứa thủy điện trong việc đầu tư, xây dựng và quản lý vận hành đảm bảo an toàn công trình và hạ du đập; Kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước mùa mưa bão hằng năm và báo cáo kết quả về Bộ Công Thương.

5.3.2. Lý do lựa chọn chính sách

Chính sách này có những tác động tích cực, nổi trội về kinh tế, xã hội và đảm bảo các yếu tố khác như về giới, thủ tục hành chính, môi trường, hệ thống pháp luật, đặc biệt là tác động về kinh tế, xã hội như:

- Nhà nước không mất nguồn tài chính đáng kể chi trả cho những chính sách an sinh xã hội để khắc phục hậu quả của việc mất an toàn sử dụng điện, mất an toàn đập và hồ chứa thủy điện. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; tính hiệu quả của công tác quản lý được nâng cao; cơ quan quản lý nhà nước về an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện có đủ công cụ pháp lý để thực thi nhiệm vụ; cơ quan quản lý vận hành hệ thống điện không mất thời gian, công sức và chi phí khi lưới điện bị sự cố, gián đoạn do tai nạn sử dụng điện và nhà máy thủy điện gây nên.

- Doanh nghiệp, người dân được đảm bảo an toàn tính mạng; yên tâm sống thân thiện và sản xuất tại khu vực có công trình thủy điện. Có thể không bị thiệt hại về kinh tế để khắc phục những hậu quả của việc mất an toàn sử dụng điện, mất an toàn đập và hồ chứa thủy điện.

- Đối với doanh nghiệp hoạt động điện lực không mất thời gian, công sức và chi phí khi lưới điện bị sự cố, gián đoạn do tai nạn sử dụng điện và sự cố nhà máy thủy điện gây nên. Doanh nghiệp bảo hiểm không mất chi phí chi trả cho các vụ tai nạn điện giật, tai nạn, thiệt hại do xả lũ hồ chứa thủy điện gây ra.

- Tác động về môi trường: Các vụ cháy nổ, hỏa hoạn do chập điện cũng giảm làm cho bầu khí quyển trong lành hơn và giảm được hiệu ứng nhà kính. Tình trạng vi phạm an toàn trong vận hành hồ chứa thủy điện sẽ giảm khiến cho nguy cơ ngập lụt vùng hạ du đập không còn cao.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về điều kiện đảm bảo thi hành luật

Dự kiến khi Luật ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng thi hành Luật có trách nhiệm thực thi Luật, trong đó Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật. Bộ Công Thương đã có các đơn vị trực thuộc để quản lý lĩnh vực điện lực được Luật Điện lực điều chỉnh như Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Cục Điều tiết điện lực, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững,

đảm bảo việc thi hành Luật được đồng bộ, thống nhất. Ở địa phương, Sở Công Thương của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có đơn vị chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực điện lực.

Đội ngũ công chức, viên chức thuộc Bộ Công Thương, Sở Công Thương là các cán bộ, kỹ sư được đào tạo chuyên ngành điện, có kiến thức quản lý nhà nước để thực hiện các nội dung được phân công quản lý trong lĩnh vực điện lực. Để tiếp tục nâng cao năng lực công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu quản lý, trong những năm qua, Bộ Công Thương, Sở Công Thương đã chủ động quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức thực hiện công tác hoạch định chính sách và quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực.

Như vậy, với điều kiện thực tế hiện nay, Bộ Công Thương và ngành Công Thương các cấp có đủ nguồn nhân lực, bộ máy, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực sau khi được Quốc hội thông qua, đảm bảo tính khả thi về chính sách. Đồng thời, các quy định tại Luật Điện lực không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các Bộ, ngành khác, do vậy, đối với các Bộ, ngành khác có liên quan vẫn duy trì đội ngũ nhân lực, tổ chức bộ máy sẵn có để cùng phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Luật Điện lực.

2. Về kinh phí

a) Kinh phí cho thực hiện chính sách đề nghị xây dựng Luật

Các chính sách không phát sinh kinh phí riêng cho triển khai thực hiện. Kinh phí để tổ chức thi hành chính sách nằm trong kinh phí chung tổ chức thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực (trình bày tại điểm b mục 2 phần V Tờ trình này).

b) Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành

Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành bao gồm: (1) Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật; (2) Kinh phí cho tổ chức phổ biến, tuyên truyền Luật và các văn bản QPPL hướng dẫn thi hành Luật; (3) Kinh phí tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình thi hành Luật. Các chi phí này không phát sinh đáng kể so với các năm trước vì đây là các công việc quản lý nhà nước thường xuyên.

Kinh phí phát sinh bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành được dự toán và chủ yếu lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Bộ Công Thương.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA LUẬT

- Trình Quốc hội cho ý kiến: Tại kỳ họp thứ Tám của Quốc hội khóa XV (năm 2024);

- Trình Quốc hội thông qua: Tại kỳ họp thứ Chín của Quốc hội khóa XV (năm 2025);

- Thời gian Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực có hiệu lực: từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi), Bộ Công Thương xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung); (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi); (3) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi), bản chụp ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan; (4) Đề cương dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi); (5) Báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi); (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đề nghị xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi)).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, ĐTĐL.

**KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân